

Hướng dẫn Du học Nhật Bản

2025-2026



JASSO



STUDY in JAPAN

Chương 1 Những điều cần biết về Du học Nhật Bản

01 Sức hút của Du học Nhật Bản

02 Nhật Bản là Đất nước như thế nào?

04 Vì sao nên đi du học Nhật Bản?

05 Kế hoạch du học Nhật Bản

06 Lịch trình

Chương 2 Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

08 Hệ thống giáo dục Nhật Bản

10 Đại học (Khoa), Cao đẳng

12 Sau Đại học

15 Chương trình học bằng tiếng Anh

16 Du học ngắn hạn, học chuyển tiếp

17 Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)

18 Trường dạy nghề SENMON (Khóa chuyên môn trường dạy nghề)

20 Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật

22 Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)

24 Các kỳ thi cần thiết cho Du học Nhật Bản

25 Dự án tăng cường chức năng mạng lưới Quốc tế nhằm thúc đẩy du học Nhật Bản

Chương 3 Những điều cần biết về cuộc sống tại Nhật Bản

26 Thủ tục nhập cảnh

30 Chi phí cần thiết khi du học

31 Chi phí sinh hoạt, giá cả

32 Học phí

34 Học bổng

36 Nhà ở

37 Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thiệt hại, Bảo hiểm KYOSAI (Bảo hiểm tương hỗ của Hiệp hội sinh viên)

38 Làm thêm

39 Thực tập (Internship)

40 Tìm kiếm việc làm tại Nhật Bản

Chương 4 Dữ liệu thống kê

41 Dữ liệu thống kê về Du học Nhật Bản

Thông tin hữu ích

42 Chia sẻ trải nghiệm cá nhân

44 Hỏi & Đáp về Du học Nhật Bản

45 Trang thông tin hữu ích về Du học Nhật Bản

SỨC HÚT CỦA DU HỌC NHẬT BẢN

Why Study in Japan?

Chất lượng đào tạo cao nhất thế giới

Điểm thu hút nhất của Du học Nhật Bản đó chính là bạn có thể học tập những kỹ thuật, tri thức hiện đại nhất. Đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, Nhật Bản đang dẫn đầu thế giới, những năm gần đây hàng năm Nhật Bản đều có nhà khoa học nhận được giải Nobel. Các sản phẩm sử dụng kỹ thuật khoa học tiên tiến như Ô tô, Điện tử gia dụng, Thiết bị y tế, Robot, Hàng không vũ trụ, Trí tuệ nhân tạo (AI)... được toàn thế giới công nhận và đã hỗ trợ cho đời sống sinh hoạt của con người rất nhiều. Ngoài kiến thức ra, trường học Nhật Bản còn đào tạo mài dũa sinh viên trở thành những con người tôn trọng lễ nghi, phép tắc. Điều này được du học sinh đánh giá rất hữu ích khi bước ra xã hội.



Chương 1
Những điều cần biết về Du học Nhật Bản

Học phí trong tầm tay

Học phí khi học tập tại Nhật Bản rẻ hơn nhiều so với du học Mỹ, Anh. Ví dụ, học phí tại trường Đại học Quốc lập tại Nhật Bản chỉ bằng 1/5 so với các trường Đại học Công lập tại Mỹ. Hơn nữa, Nhật Bản còn có nhiều chế độ học bổng, chế độ miễn giảm học phí dành cho Du học sinh.

Chương 2
Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

Môi trường học tập quốc tế

Hiện có khoảng 300,000 Du học sinh đến từ hơn 180 quốc gia, khu vực trên thế giới đang học tập tại các trường Đại học và trường Nhật ngữ của Nhật Bản. Châu Á đang trên đà phát triển mạnh mẽ, là khu vực thu hút sự quan tâm của toàn thế giới. Khi đến du học tại Nhật Bản, các bạn còn có thể học tập từ rất nhiều quốc gia khác trên thế giới. Hơn nữa, để gỡ bỏ rào cản về ngôn ngữ tiếng Nhật, các chương trình học tập bằng tiếng Anh đang ngày càng tăng lên.



Chương 3
Những điều cần biết về cuộc sống tại Nhật Bản

Văn hóa và tự nhiên phong phú

Nhật Bản có thiên nhiên phong phú với 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đảo quốc Nhật Bản được bao quanh bốn bề là biển nên có nền văn hóa riêng, độc đáo đã được nuôi dưỡng, hình thành từ thời cổ đại. Nền văn hóa Nhật Bản được kết hợp giữa văn hóa truyền thống như trà đạo, nghệ thuật cắm hoa Ikebana,...và văn hóa hiện đại như Anime, Manga,... Ngoài ra, Văn hóa ẩm thực của người Nhật "Washoku" được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể, tinh tế từ cách lựa chọn nguyên liệu theo mùa đến trình bày món ăn đặc sắc, đảm bảo sức khỏe,...là những đặc trưng đang thu hút sự quan tâm của toàn thế giới.

Chương 4
Du lịch thông minh

Việc làm tại Nhật Bản

Du học sinh nước ngoài ưu tú, không phân biệt quốc tịch ngày càng được tuyển dụng nhiều hơn tại Nhật Bản. Những nhân sự này là cầu nối quốc tế, tích cực hoạt động trong các cơ quan, công ty, tổ chức với lối suy nghĩ, tư duy đa dạng. Ở Nhật Bản, không chỉ các doanh nghiệp lớn mà ngay cả các công ty vừa và nhỏ cũng đều mang niềm tự hào về việc đứng đầu thị trường và đi tiên phong trong lĩnh vực kỹ thuật hàng đầu trên thế giới. Làm việc ở Nhật Bản là cơ hội tuyệt vời để các bạn có thể tích lũy nhiều kinh nghiệm và tri thức cho tương lai.



NHẬT BẢN LÀ ĐẤT NƯỚC NHƯ THẾ NÀO?

Chương 1
Những điều cần biết về Du học Nhật Bản



Tuổi thọ trung bình: Số 1 thế giới



Số Robot dùng trong công nghiệp: Số 2 thế giới



Số lượng xe ô tô xuất khẩu: Số 2 thế giới



**Tổng sản phẩm quốc nội (GDP):
Số 3 trên thế giới**



**Tỷ lệ đóng góp cho Liên hợp quốc:
Số 3 thế giới**

Số người đạt giải Nobel (30 người): *Theo thông tin của Tổ chức hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản
Đứng thứ 6 trên thế giới và số 1 tại Châu Á

Chỉ số hòa bình toàn cầu:
Đứng thứ 17 trên thế giới và thứ 3 tại châu Á

Dân số: Đứng thứ 11 trên thế giới

Số lượng Di sản thế giới:
Đứng thứ 11 trên thế giới và đứng thứ 3 tại châu Á

Nguồn: Bộ Ngoại giao Kids Bảng xếp hạng các lĩnh vực tổng hợp trên thế giới

Nguồn: Global Peace Index 2024

Tham khảo: Tài liệu của Tổ chức Nobel

THÔNG TIN CHUNG VỀ NHẬT BẢN

Diện tích: Khoảng 378,000 km²

Dân số: 124,352,000 người

Thủ đô: Tokyo

Ngôn ngữ: Tiếng Nhật

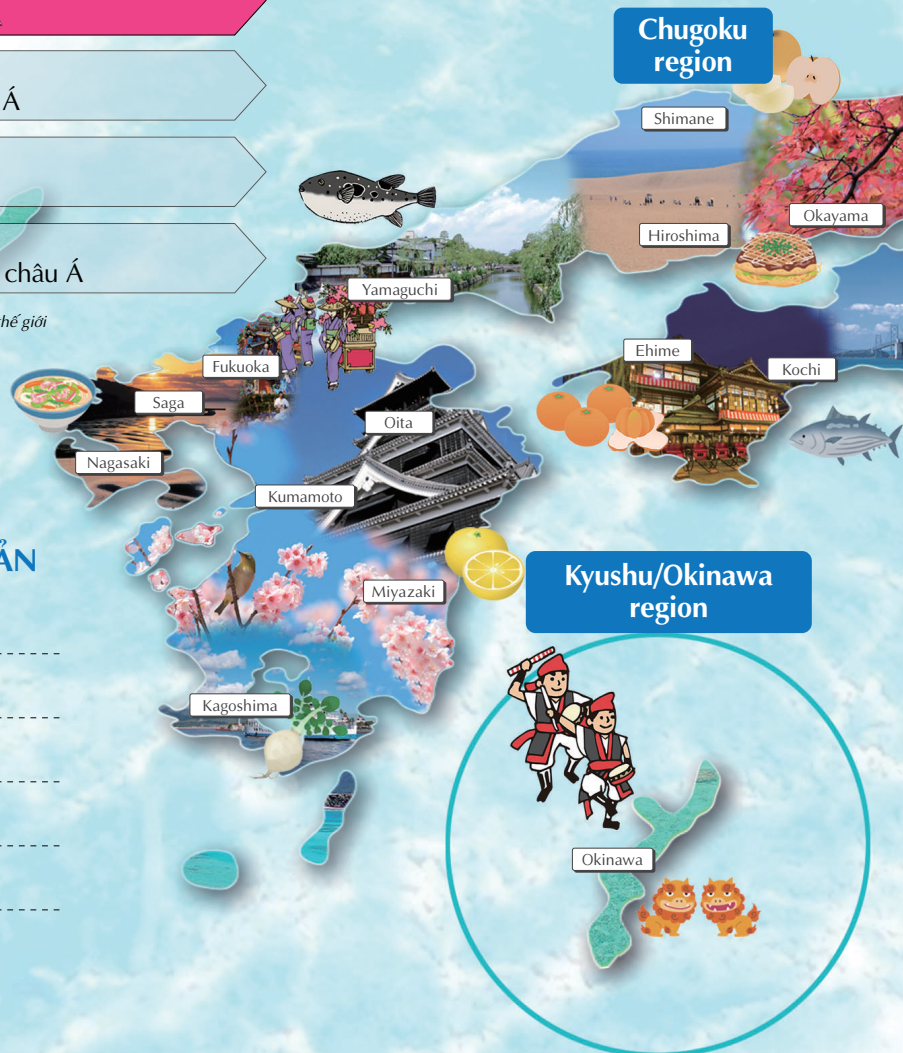
Tiền tệ: Yên (JPY)

Nguồn: Công bố của Tổng Cục thống kê Nhật Bản (năm 2023)

Chương 2
Những điều cần biết về Trường học, các kỳ thi

Chương 3
Những điều cần biết về Cuộc sống tại Nhật Bản

Chương 4
Dữ liệu thông kê





Các Website giới thiệu Nhật Bản

- Website của Bộ Ngoại Vụ
<https://web-japan.org/>
- Cơ quan xúc tiến Du lịch Nhật Bản (JNTO)
<https://www.jnto.go.jp/>
- Các vùng đất Nhật Bản đầy hấp dẫn (Tổng cục du lịch Nhật Bản)
<http://www.mlit.go.jp/kankocho/cruise/jp/introduction/index.html>



VÌ SAO NÊN DU HỌC NHẬT BẢN?

Hãy cùng xem câu trả lời từ các
Du học sinh tại Nhật Bản!

Tại sao bạn lựa chọn Nhật Bản để đi du học? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

Top 1 Em rất thích xã hội Nhật Bản nên muốn sống tại Nhật 61.3%

Top 2 Vì em yêu thích việc học tiếng Nhật và văn hóa Nhật nên muốn đi du học Nhật Bản 39.4%

Top 3 Chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường Đại học ở Nhật Bản 37.8%

Top 4 Vì ở Nhật Bản có thể học chuyên ngành mà em yêu thích 25.0%

Top 5 Vì em muốn trải nghiệm sự khác biệt về văn hóa 21.7%

Top 6 Em chọn Nhật Bản vì vị trí địa lý không quá xa 18.0%

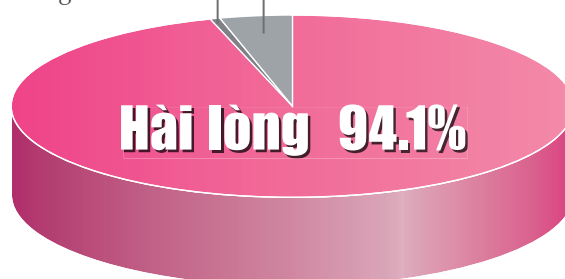
Top 7 Em cũng có nghĩ đến chọn nước khác để du học, nhưng Nhật Bản là nơi phù hợp với lực học và mức chi phí phù hợp với điều kiện của em 17.2%

Top 8 Em muốn làm những công việc có liên quan đến Nhật Bản 16.7%

Ấn tượng của em sau khi đi du học Nhật Bản như thế nào?

Không rõ ràng 5.5%

Không hài lòng 0.5%



Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tư phí người nước ngoài năm 2023" (JASSO)



Kết bạn với người Nhật và bạn bè từ khắp nơi trên thế giới là cơ hội để bạn tích cực giao tiếp, đem đến một cuộc sống du học phong phú tràn đầy màu sắc khi được tham gia các hoạt động ngoại khóa!



Được nghiên cứu cùng với những nhà nghiên cứu xuất sắc trong môi trường nghiên cứu tuyệt vời! Bạn hãy đưa ra mục tiêu rõ ràng và chuyên tâm vào việc nghiên cứu!



Làm việc tại Nhật Bản sẽ gặp không ít khó khăn nhưng là những kinh nghiệm hết sức đáng quý giúp tôi trưởng thành hơn!

KẾ HOẠCH DU HỌC NHẬT BẢN

Lập kế hoạch là
chìa khóa của thành công!

Chương 1
Những điều cần biết
về Du học Nhật Bản

Chương 2
Những điều cần biết về
tương học, các kỳ thi

Chương 3
Những điều cần biết về
cuộc sống tại Nhật Bản

Chương 4
Dự kiến thông kê



Tại sao?

Mục đích du học là gì?

Công việc tương lai mà bạn hướng đến yêu cầu bạn cần những bằng cấp và năng lực gì?

What?

Cái gì?

Bạn muốn học gì?

Lĩnh vực chuyên khoa, chuyên môn?

Where?

Ở đâu?

Nên học ở cơ sở giáo dục nào?

How long?

Bao lâu?

Cần học trong bao lâu?

1 Bằng cấp, chứng chỉ	Bằng cử nhân	Kinh tế?	Đại học	4 năm (※một số chuyên ngành 6 năm)
	Bằng Thạc sĩ	Giáo dục?	Sau đại học	2 năm ~
	Bằng Tiến sĩ	Vật lý?	Sau đại học	3 năm ~
	Bằng Cao đẳng	Kỹ thuật?	Cao đẳng	2 năm (※một số chuyên ngành 3 năm)
	Chứng chỉ tương đương Cao đẳng	Công nghệ thông tin?	Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	3 năm (※một số chuyên ngành 3.5 năm)
	Chứng chỉ chuyên môn	Y học?	Trường dạy nghề (SENMON)	2 ~ 3 năm
	Chứng chỉ chuyên môn cao cấp	Nông học?	Trường dạy nghề	4 năm
		Thiết kế?		
		Mỹ thuật?		
		Thời trang?		
		Anime?		

2 Học ngắn hạn Trải nghiệm	Du học ngắn hạn	•Tiếng Nhật •Văn hóa Nhật Bản	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Chương trình ngắn hạn của trường Đại học	Vài tháng ~ 1 năm
	Du học trao đổi	•Đối chiếu văn hóa	Đại học	Trong vòng 1 năm

3 Học tiếng Nhật	Học tiếng	•Khóa học tiếp lên •Hội thoại tiếng Nhật •Tiếng Nhật thương mại	Trường tiếng Nhật	~ 2 năm
	Học tiếp lên		Trường tiếng Nhật	~ 2 năm
			Khóa tiếng Nhật Bekka dành riêng cho du học sinh của các trường Đại học, Cao đẳng tư lập	1 ~ 2 năm



Khi nào?

Khi nào bạn đi du học?

Khi nào thì bạn bắt đầu?
Thời gian chuẩn bị mất bao lâu?

How much?

Hết bao nhiêu?

Chi phí hết bao nhiêu?

Vé máy bay? Chi phí sinh hoạt?
Tiền thuê nhà? Tiền ăn uống?
Tiền tiết kiệm có đủ không? Gia đình có chu cấp không?
Có làm thêm không? Tiền học bổng?

Hãy cùng xem Trang 6~7 “Lịch trình” và lập kế hoạch nhé!

Hãy cùng xem trang 30~38 và tính toán thử xem chi phí hết bao nhiêu bạn nhé!

LỊCH TRÌNH

**Các bạn đã lập kế hoạch du học chưa?
Hãy nhìn bảng lịch trình cơ bản để biết
cần chuẩn bị những gì nhé!**

Từ lúc lập kế hoạch cho tới khi đi Nhật

Kế hoạch 1

Dành cho người chỉ muốn học tiếng Nhật

Từ mục 1 ~ 8 là chuẩn bị tại Việt Nam, mục 9 là chuẩn bị tại nước Nhật và mục 10 là vào học tại trường tiếng Nhật, 11 Kết thúc chương trình học trường tiếng Nhật.

Kế hoạch 2

Dành cho người muốn học tiếp lên Đại học hoặc Trường dạy nghề,...sau khi học xong tiếng Nhật.

Từ mục 1~8 là chuẩn bị tại Việt Nam, mục 9 là chuẩn bị tại Nhật và mục 10 là vào học tại trường tiếng Nhật. Trong thời gian đang học tại trường tiếng Nhật cần chuẩn bị mục 12~22 và kết thúc ở mục 23. Mục 24 là vào Đại học, Trường dạy nghề...

Kế hoạch 3

**Dành cho các bạn muốn vào thẳng trường Đại học
hoặc Trường dạy nghề sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam**

Những người đã có đủ năng lực tiếng Nhật, những người học bằng chương trình tiếng Anh.

Hãy bỏ qua bước từ mục **2** ~ **11** và bắt đầu từ mục **12** là chuẩn bị tài liệu. Sau khi đỗ kỳ thi đầu vào, sẽ tiến hành các thủ tục để nhập học trường Đại học, Trường dạy nghề ở mục **24**.

Lưu ý khi du học thông qua các công ty tư vấn du học

Nếu tự mình làm các thủ tục du học sẽ có nhiều ưu điểm như tiết kiệm về mặt kinh tế, nâng cao năng lực phán đoán của bản thân và năng lực ngôn ngữ nhưng nếu bạn hoặc chưa tự tin về năng lực ngôn ngữ thì việc đi du học thông qua các công ty tư vấn du học cũng là một lựa chọn.

Điểm quan trọng khi lựa chọn!

① Chi phí

So với nhiều công ty khác giá cả có hợp lý không? Có tư vấn những thông tin sai sự thật như nếu làm thêm ở Nhật có thể kiếm tiền trang trải cả học phí và sinh hoạt phí không? Có làm hợp đồng với nội dung chi tiết, rõ ràng về số tiền và nội dung dịch vụ không?

② Cách tư vấn, cung cấp dịch vụ

Có giới thiệu những trường phù hợp với mục đích du học không?
 Có đưa ra những tư vấn không đúng như: Có thể nhập cảnh bằng giấy tờ giả không? Có nghiêm túc trả lời đầy đủ những câu hỏi và tiến độ làm thủ tục không? Có thúc giục nhanh chóng đăng ký không? Có nói rõ về những vất vả khi đi du học bên cạnh những điểm tốt không?

③ Kết quả thực tế

Công ty đã từng đưa được nhiều người sang Nhật du học chưa?

- Thủ tục tại Việt Nam
- Thủ tục tại Nhật Bản

- *Thủ tục tại Nhật Bản*

Kế hoạch 1	Kế hoạch 2	Kế hoạch 3
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		

Các bước	Trang liên quan	Thời gian		Hành động
1 Lên kế hoạch và thu thập thông tin	Trang 5, 25, 30 ~ 33, 44 ~ 45			Xác định rõ, cụ thể hóa mục đích du học. Xác nhận năng lực ngôn ngữ và kinh phí du học cần thiết.
2 Tập hợp tài liệu của trường tiếng Nhật	Trang 20, 21	Tháng 4 ~ 6	Tháng 10 ~ 12	Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn về trường, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
3 Chọn trường	Trang 20, 21	~ tháng 9	~ tháng 2	Chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu hướng dẫn về trường v.v.
4 Nộp hồ sơ	Trang 20, 21	Tháng 9 ~ 11	Tháng 2 ~ 4	Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
5 Nhận giấy cho phép nhập học		Tháng 1 ~ 3	Tháng 7 ~ 9	Nhận Giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí v.v.
6 Thủ tục nhập cảnh	Trang 26 ~ 29			Nhận Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và xin Visa.
7 Chuẩn bị đi du học				Tìm nhà ở.
8 Thủ tục xuất cảnh, lên đường				Mua vé máy bay, bảo hiểm.
9 Thủ tục nhập học				
10 Nhập học trường tiếng Nhật. Bắt đầu học tập		Tháng 4 (Khóa 1 năm, 2 năm)	Tháng 10 (Khóa 1.5 năm)	
11 Kết thúc chương trình học trường tiếng Nhật				

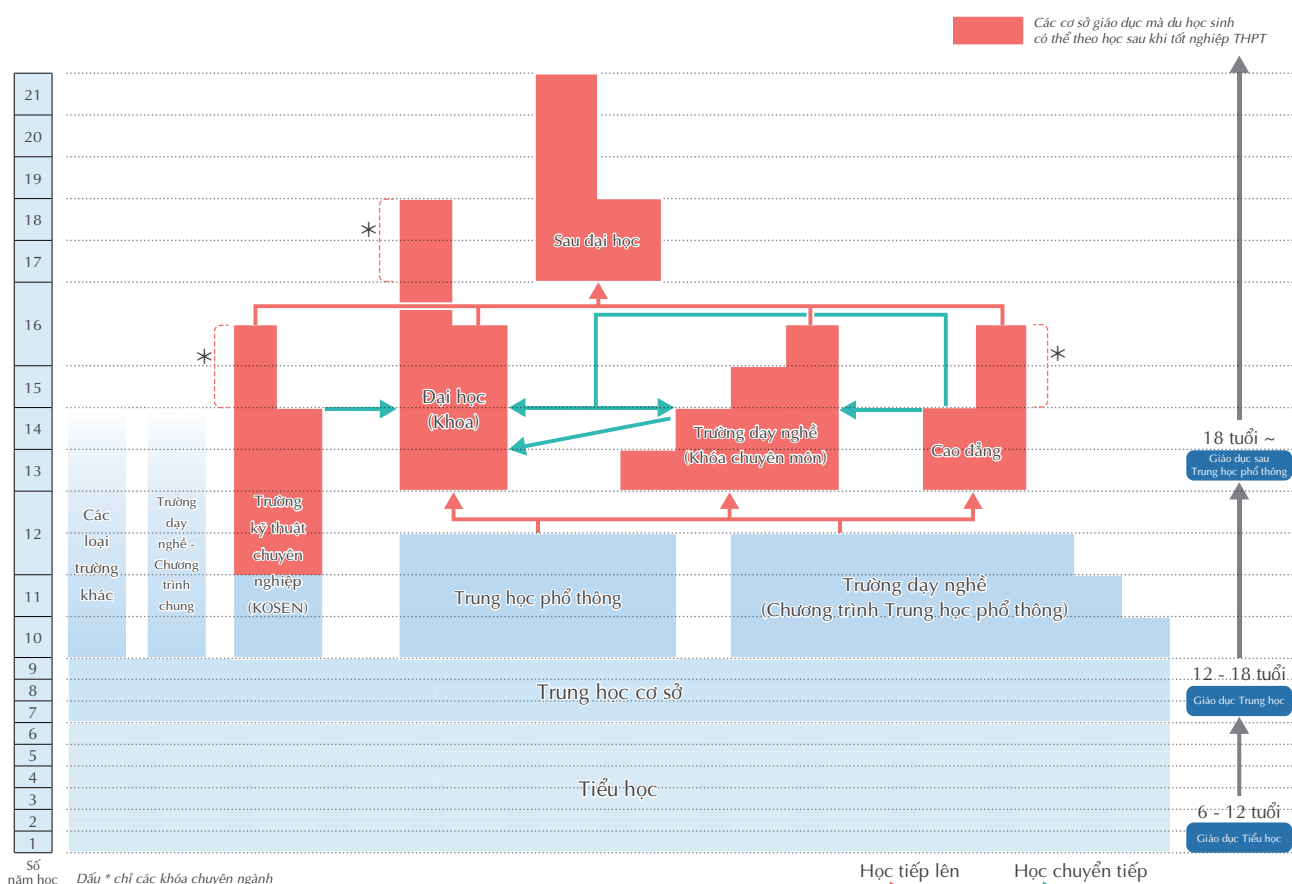
12 Tập hợp tài liệu của trường Đại học, Trường dạy nghề	Trang 10 ~ 19	Tháng 4 ~ 5/Tháng 9 ~ 10	Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
13 Chọn trường	Trang 10 ~ 19	~ Tháng 6/ ~ Tháng 11	Sơ sánh và chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu như hướng dẫn về trường v.v.
14 Đăng ký dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)	Trang 22, 23	~ Tháng 7/ ~ Tháng 3	Đăng ký dự thi Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) và các kỳ thi cần thiết khác: - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) - Kỳ thi TOEFL®, IELTS, TOEIC® (Nếu trường yêu cầu)
15 Nộp hồ sơ	Trang 10 ~ 19	Tháng 8 ~ 10/Tháng 1 ~ 11	Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
16 Dự thi		Tháng 11 ~ 2/Tháng 3 ~ 8	Xét hồ sơ, dự thi Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU), tham dự kỳ thi đầu vào của trường có nguyện vọng nhập học.
17 Giấy phép nhập học		Tháng 1 ~ 3/Tháng 6 ~ 8	Nhận Giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí.
18 Thủ tục nhập cảnh	Trang 26 ~ 29		Nhận Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và xin visa.
19 Chuẩn bị đi du học			Tìm nhà ở.
20 Thủ tục gia hạn thời gian lưu trú, nộp hồ sơ cho các tổ chức/nơi hoạt động.			
21 Thủ tục xuất cảnh, lên đường			Mua vé máy bay, mua bảo hiểm...
22 Thủ tục nhập học			
23 Hoàn thành khóa học tại trường tiếng Nhật			
24 Nhập học trường Đại học, Trường dạy nghề...		Tháng 4/tháng 9 hoặc tháng 10	* Có một số trường nhập học vào mùa thu (tháng 9 hoặc tháng 10) * Quá trình từ khi nộp hồ sơ cho tới khi nhập học tùy từng trường sẽ khác nhau. Hãy xác nhận rõ hướng dẫn tuyển sinh của trường để không bị sai sót khi làm thủ tục.
25 Tốt nghiệp trường Đại học, Trường dạy nghề...		Tháng 3/tháng 8 hoặc tháng 9	

HỆ THỐNG GIÁO DỤC CỦA NHẬT BẢN

Giáo dục sau Trung học phổ thông của Nhật Bản bắt đầu sau khi hoàn thành 12 năm học bao gồm giáo dục Tiểu học (6 năm) và Trung học (Trung học cơ sở 3 năm, Trung học phổ thông 3 năm).

Các cơ sở giáo dục sau THPT mà Du học sinh có thể theo học bao gồm 5 loại: ① Đại học (khoa) (xem tr.10~11), ② Cao đẳng (xem tr.10~11), ③ Sau đại học (xem tr.12~14), ④ Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (xem tr.17), ⑤ Trường dạy nghề (khóa chuyên môn của trường dạy nghề) (xem tr.18~19). Tùy vào tư cách pháp nhân khi thành lập trường, các cơ sở giáo dục được chia thành Quốc lập, Công lập và Tư lập.

Ngoài ra, Du học sinh còn có thể theo học tiếng Nhật tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (xem tr.20~21).



1. Hãy xác nhận lịch học và các học kỳ!

Năm học ở Nhật thường bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Rất nhiều trường của Nhật áp dụng chế độ Semester (chế độ 2 học kỳ), học kỳ đầu từ tháng 4 đến tháng 9, học kỳ sau từ tháng 10 đến tháng 3. Cũng có trường áp dụng chế độ 3 học kỳ và chế độ quarter (chế độ 4 học kỳ). Nhật Bản thường nhập học vào tháng 4, tuy nhiên hệ Sau đại học của nhiều trường Đại học sẽ nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

Một năm học chế độ 2 học kỳ của sinh viên nhập học vào tháng 4

Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Học kỳ 1				Nghỉ hè		Đầu học kỳ 2			Nghỉ đông	Cuối học kỳ 2	Nghỉ xuân

2. Điều kiện nhập học

Về nguyên tắc, để học tiếp lên Đại học (khoa), Cao đẳng, Trường dạy nghề của Nhật Bản, cần phải hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy. Để học chuyển tiếp vào các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) phải hoàn thành chương trình học 11 năm, để học tiếp lên các trường có hệ Sau đại học (khóa học Thạc sĩ) phải hoàn thành chương trình học 16 năm.

Trường hợp những học sinh đến từ các nước như Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Malaysia, Peru v.v. đã hoàn thành 10 hoặc 11 năm giáo dục Tiểu học và giáo dục Trung học muốn học tiếp lên Đại học của Nhật Bản cần đáp ứng một trong số các điều kiện như nội dung bên phải. Tuy nhiên, ngoài những điều kiện đó, cũng có trường yêu cầu đáp ứng những điều kiện khác của trường. Hãy hỏi trường bạn có dự định nhập học trong trường hợp bạn không rõ mình có đủ điều kiện nhập học hay không.

***1 “Khóa đào tạo dự bị”** do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định
https://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/07111314/001.htm



① Đang học năm 1 hoặc năm 2 tại các cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông như Đại học hoặc khóa đào tạo dự bị trước khi vào học Đại học tại nước sở tại và sẽ hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy.

② Hoàn thành khóa đào tạo dự bị^{*1} được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (chỉ áp dụng với những học sinh đã hoàn thành khóa học tương đương với cấp Trung học phổ thông của Nhật Bản). Tuy nhiên, những học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu học và giáo dục Trung học chưa đủ 12 năm, trong trường hợp đã hoàn thành chương trình học từ 11 năm trở lên^{*2} tại những nước mà Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định thì cho dù chưa hoàn thành khóa đào tạo dự bị vẫn đủ điều kiện nhập học.

***2 “Danh sách các cơ sở giáo dục tại nước ngoài tương đương với bậc Trung học phổ thông”** do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định
https://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/1380756.htm



3. Bằng cấp (học vị), chứng chỉ đạt được và thời gian đào tạo!

	Khóa học	Bằng cấp, chứng chỉ đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn
Sau đại học	Khóa học Tiến sĩ ^{*1}	Tiến sĩ	5 năm
	Khoá học Thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm
	Khóa học lấy bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	1 ~ 2 năm
		Tiến sĩ Luật (chuyên ngành)	3 năm
Đại học (Khoa)	Các khoa thông thường, khoa Được khóa 4 năm	Cử nhân	4 năm
	Y khoa, Nha khoa, Thú y, khoa Được khóa 6 năm		6 năm
Đại học nghề	Khóa 4 năm	Cử nhân (Nghề)	4 năm
Cao đẳng ^{*4}	Khóa 2 năm	Cao đẳng	2 năm
	Khóa 3 năm		3 năm
Cao đẳng nghề	Khóa 2 năm	Cao đẳng (Nghề)	2 năm
	Khóa 3 năm		3 năm
Trường KT chuyên nghiệp ^{*4}	—	Tương đương Cao đẳng ^{*3}	3 năm (Thương mại hàng hải 3 năm 6 tháng) ^{*2}
Trường dạy nghề	Khóa học chuyên môn (Trường dạy nghề)	Chuyên môn ^{*3}	2 năm trở lên
		Chuyên môn bậc cao ^{*3}	4 năm trở lên

^{*1} Khóa đào tạo Tiến sĩ được chia thành 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm, tương đương với Thạc sĩ của Việt Nam) và giai đoạn sau (3 năm, tương đương với Tiến sĩ của Việt Nam). Thời gian đào tạo bắt buộc của khóa đào tạo Tiến sĩ ngành Y học, Nha khoa, Được và Thú y hệ 6 năm sau khi hoàn thành đủ 6 năm học bậc Đại học là 4 năm.

^{*2} Thông thường, thời gian hoàn thành đào tạo tại các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp là 5 năm nhưng Du học sinh được chấp nhận vào học từ năm thứ 3.

^{*3} Danh xưng “Tương đương Cao đẳng” của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), “Chuyên môn” hoặc “Chuyên môn bậc cao” của Trường dạy nghề là chứng chỉ, không phải là bằng cấp.

^{*4} Có thể nhận được bằng “Cử nhân” nếu hoàn thành khóa chuyên ngành của trường Cao đẳng, khóa học nâng cao của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) được Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học (NIAD-QE) công nhận và vượt qua kỳ thi thẩm định của NIAD-QE. Hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng theo học để biết thêm thông tin chi tiết.



Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học
(National Institution for Academic Degrees and Quality Enhancement of Higher Education)
https://www.niad.ac.jp/n_gakui/



Q Bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tại nước khác không?

A Thông thường, bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tương đương với bằng cấp nhận được ở các nước khác.

Tuy nhiên, tùy theo mỗi quốc gia, có những nơi Bộ giáo dục hoặc Cơ quan thẩm định (Tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp tư nhân v.v.) sẽ đánh giá bằng cấp nhận được ở nước ngoài. Bạn nên xác nhận trước với các cơ quan liên quan ở nước mình về vấn đề này.

ĐẠI HỌC (KHOA), CAO ĐẲNG³

Là cơ sở giáo dục trung tâm của hệ thống đào tạo sau Trung học phổ thông, về nguyên tắc thời gian đào tạo ở trường Đại học là 4 năm, Cao đẳng là 2 năm. Tùy từng trường sẽ có cơ chế sinh viên dự thính không chính quy, sinh viên tự do lựa chọn môn học. Bên cạnh chế độ du học dài hạn với mục đích lấy bằng, còn có chế độ du học ngắn hạn ngoài mục đích trên, tham khảo trang 16 để biết thêm thông tin chi tiết.

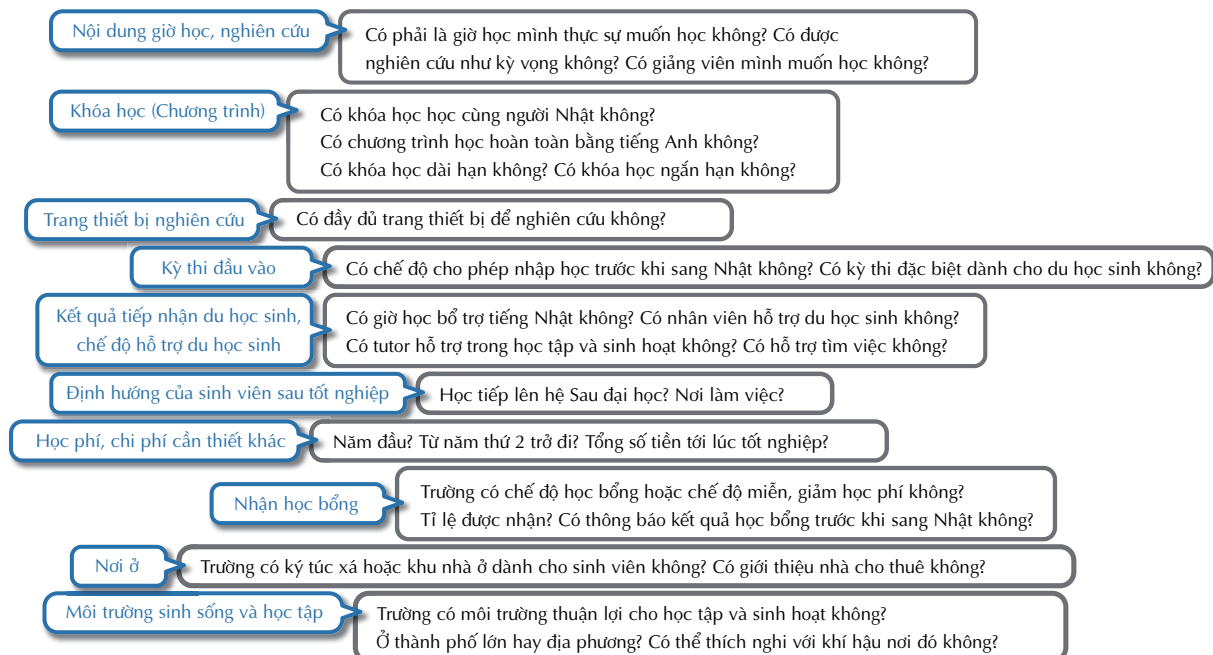
1. Hãy xác nhận điều kiện nhập học!

Cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc các Cơ sở giáo dục Trung học phổ thông tương đương (hoàn thành chương trình đào tạo chính quy từ 12 năm trở lên).
2. Đã hoàn thành 3 năm phổ thông của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) hoặc hệ phổ thông của các trường giáo dục hỗ trợ đặc biệt (hoàn thành chương trình đào tạo chính quy từ 12 năm trở lên).
3. Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật. (Trường hợp chương trình không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (có danh sách) hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập (có danh sách).
※“Người đã hoàn thành 12 năm học chính quy tại các trường đào tạo ngoài nước Nhật” là người đã học xong chương trình của năm lớp 12 tại các cơ sở giáo dục chính quy ngoài nước Nhật. Chương trình học 12 năm có được đánh giá là chính quy hay không... cần xác nhận với Đại sứ quán của nước sở tại.
4. Người từ 18 tuổi trở lên, đã đỗ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục ngoài nước Nhật. (Trường hợp chương trình không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ).
- ※Kỳ thi kiểm tra học lực đã đỗ có tương đương với việc hoàn thành chương trình học 12 năm hay không... cần xác nhận với Đại sứ quán của nước sở tại.
5. Đã hoàn thành chương trình học của trường tương đương THPT thỏa mãn các điều kiện như đã hoàn thành chương trình học được chỉ định từ 11 năm trở lên ngoài nước Nhật. (Danh sách chương trình học ngoài nước Nhật tương đương THPT được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định).
6. Người học ở các trường dành cho người nước ngoài tại Nhật Bản đã hoàn thành chương trình Trung học phổ thông được công nhận tương đương hệ Trung học phổ thông của nước ngoài. (Trường hợp chương trình không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ).
7. Đã hoàn thành chương trình học tại cơ sở giáo dục ngoài nước Nhật được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ công nhận là tương đương với Trung học phổ thông.
8. Hoàn thành chương trình Trung học phổ thông của các Trường dạy nghề theo danh sách do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ công nhận.
9. Đã hoàn thành chương trình học phổ thông cũ.
10. Người có đủ tư cách nhập học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật như có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài hoặc chứng chỉ GCE level A.
11. Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
※Bao gồm cả chứng chỉ ECIS là tên gọi cũ của CIS.
12. Đã đỗ kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông. (Trường hợp chưa đủ 18 tuổi, kết quả sẽ được công nhận vào ngày kế tiếp kể từ ngày đủ 18 tuổi)
13. Đủ 18 tuổi và đủ kỳ thi đầu vào riêng của từng trường Đại học.

2. Tìm trường

Đại học, Cao đẳng – Những điểm quan trọng khi chọn trường



Thông tin các trường Đại học, Cao đẳng (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/search-for-schools/school_search.php



Tra cứu các trường Đại học, Cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)
<https://www.jpss.jp/>



『Hướng dẫn nhập học vào các trường Đại học dành cho du học sinh tư phí người nước ngoài』

- ※ Sách hướng dẫn tập hợp các thông tin cần thiết như nội dung thi đầu vào của các trường Đại học, số người đỗ trong kỳ thi dành cho du học sinh v.v.
- ※ Biên soạn, phát hành: The Asian Students Cultural Association (Phát hành, bán tại Nhật)
- ※ Có thể xem thông tin tại các cổng thông tin về tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 44)

3. Hồ sơ cần nộp!

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
 - ② Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
 - ③ Bảng điểm Trung học phổ thông/ học bạ
 - ④ Thư tiến cử của Hiệu trưởng hoặc Giáo viên trưởng Trung học phổ thông
 - ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật hoặc tiếng Anh
 - ⑥ Giấy tờ khác
- Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

● Trường Đại học nghề - Cao đẳng nghề là gì?

Là trường Đại học, Cao đẳng đào tạo lý luận, kiến thức kết hợp với các kỹ năng thực tiễn để người học trở thành các chuyên gia trong các lĩnh vực nghề nghiệp riêng biệt.

Thông qua việc thực hành phong phú bao gồm thực tập dài hạn trong các doanh nghiệp và học tập trong các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên môn nghề, người học sẽ có được “kỹ năng thực tiễn chuyên” sâu và “năng lực sáng tạo phong phú” gắn liền với chuyên môn nghề của mình.

Sau khi tốt nghiệp các trường Đại học nghề, Cao đẳng nghề, người học sẽ được cấp bằng “Cử nhân (Chuyên môn nghề)” hoặc “Cao đẳng (Chuyên môn nghề)”.

4. Kỳ thi đầu vào!

Nhiều trường, ngoài kỳ thi đầu vào dành cho đối tượng là thí sinh người Nhật, còn tổ chức kỳ thi đầu vào dành cho người nước ngoài (du học sinh). Các trường sẽ kết hợp các mục dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ hướng dẫn thi của trường đó.

- ① Xét hồ sơ
- ② Kiểm tra học lực
- ③ Phỏng vấn
- ④ Viết tiểu luận, bài văn
- ⑤ Kiểm tra tính phù hợp và năng lực khác
- ⑥ Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- ⑦ Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)
- ⑧ Kỳ thi Đại học toàn quốc



5. Để tốt nghiệp, hoàn thành khóa học?

Nếu tốt nghiệp và đạt đủ tiêu chuẩn dưới đây sẽ được cấp bằng Cử nhân
 ※ Tùy từng trường Đại học, có những trường sẽ tự quy định điều kiện cần thiết và số tín chỉ tốt nghiệp.

	Phân loại	Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Bằng cấp đạt được
Đại học (Khoa)	Khoa thông thường, khoa Dược 4 năm	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân
	Khoa Y, Nha khoa, Thú y và khoa Dược hệ 6 năm	6 năm	Y khoa, Nha khoa 188 tín chỉ trở lên Thú y 182 tín chỉ trở lên Dược 186 tín chỉ trở lên	
Đại học nghề	Chương trình học 4 năm	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân (Chuyên môn nghề)
Cao đẳng	Chương trình học 2 năm	—	62 tín chỉ trở lên	Cao đẳng
	Chương trình học 3 năm	—	93 tín chỉ trở lên	
Cao đẳng nghề	Chương trình học 2 năm	—	62 tín chỉ trở lên	Cử nhân (Chuyên môn nghề)
	Chương trình học 3 năm	—	93 tín chỉ trở lên	

※ 1 Các trường Đại học nghề có chia thành 2 kỳ học, sau khi hoàn thành xong kỳ đầu tiên có thể nhận được bằng “Cao đẳng (Chuyên môn nghề)”.

※ 2 Có thể nhận được học vị “Cử nhân” nếu hoàn thành chương trình khoa chuyên ngành được Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học (NIAD-QE) công nhận và đủ kỳ đánh giá của NIAD-QE sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng hoặc Cao đẳng nghề.

SAU ĐẠI HỌC



1. Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Khóa học Thạc sĩ, Tiến sĩ (Giai đoạn đầu/ Kỳ đầu)

- ① Đã tốt nghiệp Đại học
- ② Đã nhận được bằng Cử nhân do Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học cấp
- ③ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm ngoài nước Nhật (18 năm khi nhập học hệ Tiến sĩ các ngành Y khoa, Nha khoa, Dược, Thú y)
- ④ Đã hoàn thành chương trình học đào tạo từ xa 16 năm tại Nhật của các trường nước ngoài (18 năm khi nhập học hệ Tiến sĩ các ngành Y khoa, Nha khoa, Dược hoặc Thú y)
- ⑤ Đã hoàn thành chương trình học ở các trường của nước ngoài có cơ sở đào tạo tại Nhật Bản đã được công nhận tương đương với hệ Đại học của nước ngoài. (Những trường Đại học của nước ngoài có cơ sở tại Nhật Bản được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định)
- ⑥ Có bằng cử nhân hoặc tương đương sau khi hoàn thành chương trình học từ 3 năm trở lên tại các trường Đại học ngoài nước Nhật (5 năm nếu nhập học hệ Tiến sĩ các ngành Y khoa, Dược, Nha khoa, Thú y)
- ⑦ Đã tốt nghiệp khóa chuyên môn của Trường dạy nghề được chỉ định
- ⑧ Đã hoàn thành chương trình Đại học của hệ thống đào tạo trước đây
- ⑨ Đã tốt nghiệp các trường Đại học trực thuộc các Bộ ban ngành khác như Đại học quốc phòng, Đại học an toàn hàng hải, Đại học khí tượng...
- ⑩ Từ đủ 22 tuổi, đã được công nhận theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường hệ Sau Đại học.

2. Khóa học Tiến sĩ (Giai đoạn sau/ Kỳ sau)

- ① Có bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề
- ② Có bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề ở ngoài nước Nhật
- ③ Đã nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề do đã hoàn thành chương trình đào tạo từ xa tại Nhật được tiến hành bởi trường ngoài nước Nhật
- ④ Người được cấp bằng Thạc sĩ hoặc bằng Chuyên môn nghề sau khi hoàn thành khóa học tại các trường nước ngoài được chỉ định tại Nhật Bản, được công nhận tương đương hệ Sau Đại học ở nước ngoài (Những trường Đại học <tương đương các trường Sau Đại học> có cơ sở đào tạo tại Nhật Bản được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định)
- ⑤ Những người có bằng tương đương Thạc sĩ sau khi hoàn thành khóa học của Đại học Liên Hợp Quốc
- ⑥ Đã tốt nghiệp Đại học v.v., có trên 2 năm nghiên cứu tại các trường Đại học, trung tâm nghiên cứu, là người được công nhận có học lực tương đương người có bằng Thạc sĩ, bằng Chuyên môn nghề
- ⑦ Từ đủ 24 tuổi, được công nhận theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau Đại học.

3. Khóa học Tiến sĩ (Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y)

Tùy theo chương trình học mà hồ sơ nhập học có sự khác nhau nên hãy liên hệ với các trường trước khi nộp hồ sơ vào các khóa học Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y.

2. Bản kế hoạch nghiên cứu

Bản kế hoạch nghiên cứu là tài liệu xác định đề tài và tóm tắt cách thức nghiên cứu như thế nào. Hầu hết các trường Sau Đại học đều yêu cầu nộp Bản kế hoạch nghiên cứu để được nhập học vào trường.

Nội dung bao gồm các mục như dưới đây:

- ① Mục đích nghiên cứu
- ② Bối cảnh nghiên cứu
- ③ Ý nghĩa
- ④ Phương pháp
- ⑤ Tài liệu tham khảo v.v.



●“Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế” (Tái bản lần 2)
Bạn có thể học được cách viết bản kế hoạch nghiên cứu hoặc những điều cần chuẩn bị cho kỳ thi vấn đáp.
Tác giả: JASSO
Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd. (Phát hành tại Nhật)
※Có thể xem tại các kênh thông tin công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 44)

Hình thức và số chữ được quy định khác nhau tùy từng trường. Về cơ bản, khoảng 2,000 chữ. Để viết bản kế hoạch nghiên cứu, điều quan trọng là phải tìm kiếm luận văn liên quan tới lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu. Những nghiên cứu đó đã tiến hành đến đâu, vấn đề còn lại là gì...

Điểm quan trọng khi đánh giá

- ① Nguyên vọng, ý muốn khi nghiên cứu
- ② Năng lực phát hiện vấn đề
- ③ Năng lực phân tích sự việc
- ④ Tư duy logic
- ⑤ Kiến thức chuyên môn

Tra cứu luận văn

CiNii Articles
<https://cir.nii.ac.jp/>



3-1. Tìm trường

 **Thông tin Sau đại học**
(Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinjapan.go.jp/ja/search-for-schools/school_search.php



 **Tra cứu các trường Sau đại học**
(JAPAN STUDY SUPPORT)
<https://www.jpss.jp/ja/>



3-2 Tìm giáo sư hướng dẫn

Giáo sư hướng dẫn là người sẽ giúp bạn định hướng kế hoạch học tập và nghiên cứu, do đó về cơ bản phải tự tìm giáo sư hướng dẫn. Có trường yêu cầu cần có sự chấp nhận của giáo sư hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ.

<Cách tìm giáo sư hướng dẫn>

- Nhờ giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học giới thiệu giúp.
- Tìm thông tin trên các báo, tạp chí nghiên cứu khoa học, thông tin từ cựu du học sinh tại Nhật Bản, các nhà nghiên cứu tại nước mình v.v.
- Tìm thông tin trên các trang web.
- Nhờ trường bạn muốn theo học giới thiệu giúp



Lời khuyên từ Sempai

Giáo sư hướng dẫn rất quan trọng trong cuộc sống của sinh viên. Hãy hỏi Sempai những thông tin liên quan tới giáo sư hướng dẫn và đánh giá xem có hợp với bản thân mình hay không.

Tra cứu nhà nghiên cứu

 **researchmap**
<https://researchmap.jp/researchers>



<Liên hệ với giáo sư hướng dẫn và trường Đại học>

Bạn cần viết rõ ràng, cụ thể thành quả nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu của mình và lý do chọn giáo sư đó, nếu có thêm thư tiến cử của giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học là tốt nhất. Vì giáo sư chỉ có thể đánh giá năng lực của bạn dựa trên các giấy tờ nên bạn cần trao đổi với giáo sư nhiều lần để cho họ thấy được sự nhiệt huyết của bạn.

Tham khảo cách viết email cho giáo sư hướng dẫn trong cuốn “Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế” đã giới thiệu ở trên.

4-1. Hồ sơ cần nộp

Nếu muốn học tiếp lên các khóa chính quy Sau Đại học, có những trường yêu cầu phải dự thi trực tiếp, nhưng cũng có trường muốn bạn học tiếp lên các khóa chính quy Sau Đại học sau khi hoàn thành khóa “Nghiên cứu sinh”.

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp Đại học (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ③ Bằng Thạc sĩ (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) (Trường hợp học khóa Tiến sĩ)
- ④ Bảng điểm của cấp học gần nhất
- ⑤ Thư tiến cử
- ⑥ Luận văn nghiên cứu (Luận văn tốt nghiệp) và bản tóm tắt luận văn ở trường Đại học đã theo học
- ⑦ Bản kế hoạch nghiên cứu
- ⑧ Các giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.



Lời khuyên

Sinh viên nghiên cứu/Nghiên cứu sinh (Research student) là gì?

Sinh viên nghiên cứu (âm Hán Việt là “Nghiên cứu sinh”) là những sinh viên không chính quy như dưới đây:

- ① Là người theo học để nghiên cứu trong thời gian ngắn không có mục đích lấy bằng (Chủ yếu là Sau Đại học)
- ② Là người theo học với tư cách là sinh viên du học ngắn hạn dựa trên hiệp định giao lưu giữa các trường Đại học (Đại học, Sau Đại học)
- ③ Là người theo học trong thời gian chuẩn bị nhập học khóa chính quy Sau Đại học (Chủ yếu là sinh viên đã tốt nghiệp Đại học)

Tuyển chọn: Chủ yếu thông qua xét duyệt hồ sơ, tuy nhiên cũng có trường yêu cầu phỏng vấn.

Tư cách lưu trú: Sinh viên nghiên cứu (“Nghiên cứu sinh”) muốn nhận được tư cách lưu trú “du học” cần tham gia giờ học ít nhất 10 giờ 1 tuần. Ngoài ra, Nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu không có thù lao bất kể có nghe giảng hay không, sẽ tương ứng với tư cách lưu trú là “Hoạt động văn hóa”.

4-2 Thời gian nộp hồ sơ

Hầu hết các trường tuyển trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 1. Thời gian nhập học cho đợt tuyển sinh trên thường vào tháng 4. Cũng có trường nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

● Nghề chuyên môn Sau đại học là gì?

Là chương trình đào tạo hướng tới việc bồi dưỡng những chuyên gia có năng lực chuyên môn cao, có thể hoạt động trong xã hội và quốc tế, để tương xứng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và quá trình toàn cầu hóa. Có những nghề chuyên môn Sau đại học tiêu biểu như: Hệ Sau đại học khoa Luật đào tạo chuyên gia luật, hệ Sau đại học đào tạo giáo viên, ngoài ra còn có hệ Sau đại học trong các lĩnh vực như kế toán, thương mại và MOT (Kinh doanh công nghệ), chính sách công, sức khỏe cộng đồng v.v.

4-3 Kỳ thi đầu vào

Các trường căn cứ các tiêu chí dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ trên trang web của trường.

- ① Thẩm định hồ sơ (Hồ sơ nộp)
- ② Kiểm tra học lực (Kiểm tra chuyên ngành hoặc thi viết các môn được chỉ định)
- ③ Phỏng vấn (Trực tiếp hoặc online)
- ④ Viết tiểu luận, bài văn
- ⑤ Thi vấn đáp đối với các môn chuyên ngành (Trực tiếp hoặc qua điện thoại v.v.)

5. Để hoàn thành khóa học

Khóa học	Bằng cấp đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Điều kiện hoàn thành
Khóa học Tiến sĩ	Tiến sĩ	5 năm	30 tín chỉ trở lên (bao gồm số tín chỉ tích lũy ở khóa học Thạc sĩ)	Đánh giá luận văn Tiến sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa học Thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm	30 tín chỉ trở lên	Đánh giá luận văn Thạc sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa cấp bằng chuyên môn nghề	Thạc sĩ (chuyên môn nghề)	1 - 2 năm	30 tín chỉ trở lên	
	Tiến sĩ luật (chuyên môn nghề)	3 năm	93 tín chỉ trở lên	
	Thạc sĩ giáo dục (chuyên môn nghề)	2 năm	45 tín chỉ trở lên	

※ Có trường hợp khóa học Tiến sĩ Sau đại học được chia làm 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm) và giai đoạn sau (3 năm).

※ Ngành Y khoa, Nha khoa, Thú y đào tạo 6 năm Đại học và ngành Dược hệ 6 năm sẽ không có khóa Thạc sĩ, cần 4 năm đào tạo cho khóa Tiến sĩ.



KHÓA HỌC BẰNG TIẾNG ANH

Trong xu hướng toàn cầu hóa, để không bị hạn chế do rào cản của việc học bằng tiếng Nhật, các trường Đại học, Sau đại học của Nhật Bản đang tích cực mở rộng các “Chương trình học hoàn toàn bằng tiếng Anh được cấp bằng”.

1. Chọn trường



Những chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)

https://www.studyinjapan.go.jp/ja/search-for-schools/school_search.php



Tra cứu thông tin trường Đại học, Cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)

<https://www.jpss.jp/ja/>



2. Hồ sơ cần nộp

Ngoài những giấy tờ thông thường, nhiều trường hợp cần nộp thêm các giấy tờ sau:

- ① Chứng chỉ năng lực tiếng Anh (bảng điểm của các kỳ thi phổ biến như TOEFL®, IELTS v.v.).
- ② Bản chứng nhận năng lực học tập (hệ Đại học cần bảng điểm của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), SAT, bảng điểm tốt nghiệp Trung học phổ thông.)

3. Kỳ thi đầu vào

So với các khóa học bằng tiếng Nhật, kỳ thi đầu vào của khóa học bằng tiếng Anh thường chú trọng vào việc đánh giá năng lực tiếng Anh hơn. Tùy từng trường sẽ có hình thức thi khác nhau, vì vậy hãy xác nhận trên website của trường đó.

Xếp hạng các trường Đại học có môi trường giáo dục mang “tính quốc tế”

STT	Tên trường Đại học	Loại hình	Tỉnh	Tỉ lệ
1	Đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	Tư thục	Oita	99.8
2	Đại học Quốc tế Christian	Tư thục	Tokyo	98.0
3	Đại học Osaka Jogakuin	Tư thục	Osaka	94.4
4	Đại học Ngoại ngữ Kansai	Tư thục	Osaka	92.0
5	Đại học Quốc tế Miyazaki	Tư thục	Miyazaki	91.4
6	Đại học Soka	Tư thục	Tokyo	90.8
7	Đại học Ngoại ngữ Kyoto	Tư thục	Kyoto	90.6
8	Đại học Sophia	Tư thục	Tokyo	89.8
9	Đại học Reitaku	Tư thục	Chiba	89.2
10	Đại học Nữ sinh Fukuoka	Công lập	Fukuoka	88.9

※ Tính toán từ “Tỷ lệ sinh viên người nước ngoài”, “Tỷ lệ giáo viên người nước ngoài”, “Tỷ lệ giờ học bằng tiếng nước ngoài”, “Tỷ lệ du học của sinh viên người Nhật”
Nguồn: Bảng xếp hạng các trường Đại học của Nhật Bản THE 2023

Các trường Đại học có “tỉ lệ giờ học bằng ngoại ngữ cao” *Ngoại trừ môn ngoại ngữ

STT	Tên trường Đại học	Loại hình	Tỉnh	Tỉ lệ
1	Đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	Tư lập	Oita	77.8
2	Đại học quốc tế Akita (AIU)	Công lập	Akita	75.2
3	Đại học Công nghệ Tokyo	Quốc lập	Tokyo	55.8
4	Đại học Aizu	Công lập	Fukushima	46.2
5	Đại học quốc tế Christian	Tư lập	Tokyo	42.2
6	Đại học Y khoa và Nha khoa Tokyo	Quốc lập	Tokyo	41.0
7	Đại học Nagoya	Quốc lập	Aichi	37.1
8	Đại học Công nghệ Nagaoka	Quốc lập	Niigata	36.2
9	Đại học Hiroshima	Quốc lập	Hiroshima	35.9
10	Đại học Kanazawa	Quốc lập	Ishikawa	34.6

Nguồn: Bảng xếp hạng các trường Đại học của Nhật Bản THE 2021



Lời khuyên

Tôi cũng muốn học tiếng Nhật!

Tùy từng trường sẽ có chương trình đào tạo tiếng Nhật cho du học sinh. Tuy nhiên, cũng có trường hợp số tín chỉ đó được chấp nhận hoặc không. Ngoài ra, đôi khi cần đóng phí nghe giảng riêng.



Lời khuyên từ Sempai

Mặc dù theo học chương trình đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh, nhưng nếu bạn có thể giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Nhật hoặc học chữ Hiragana, Katakana thì việc sinh hoạt ở Nhật sẽ dễ dàng hơn và cũng sẽ thuận lợi hơn khi tìm việc. Ngoài ra, cũng có một số quốc gia yêu cầu kinh nghiệm học tiếng Nhật khi xin Visa, vì vậy hãy xác nhận các hồ sơ cần nộp cho trường.

<Điểm tiếng Anh cần đạt được>

	TOEFL iBT	IELTS
Sau đại học	75-80	6
Đại học	71-80	5.5-6

DU HỌC NGẮN HẠN, HỌC CHUYỂN TIẾP

1. Du học ngắn hạn

“Du học ngắn hạn” là du học từ khoảng vài tuần đến 1 năm với tư cách là “Sinh viên không chính quy” không phải với mục đích nhận bằng cấp.

Ngôn ngữ sử dụng trong giờ học: có trường hợp dạy bằng tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc đôi khi cả tiếng Nhật và tiếng Anh.

Hình thức khóa học: có trường hợp được xếp lớp riêng dành cho du học sinh ngắn hạn, nhưng phổ biến hơn cả là tham gia các giờ học trong khoa, bộ môn.

Du học ngắn hạn có 5 đặc trưng tiêu biểu sau:

	Thông tin	Tín chỉ	Nơi đóng học phí	Liên hệ
① Du học trao đổi	Là chế độ du học tại các trường Đại học có ký hiệp định trao đổi sinh viên.	Tín chỉ tích lũy ở trường bạn du học thông thường được chấp nhận ở trường bạn đang theo học trong phạm vi hiệp định giao lưu.	Thông thường là trường đang theo học (được miễn học phí tại trường bạn du học)	Trường trong nước đang theo học
② Chương trình khác ngoài “Du học trao đổi”	Là chương trình mà du học sinh không thuộc trường có ký kết hiệp định giao lưu sinh viên cũng có thể tham gia	Tùy từng chương trình, có thể tích lũy tín chỉ hoặc không.	Thông thường là trường bạn du học	Trường Đại học của Nhật nơi bạn du học
③ Nghiên cứu sinh*	Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp Đại học, có thể nghiên cứu chuyên môn tại khoa Sau đại học từ 6 tháng đến 1 năm với tư cách “Nghiên cứu sinh”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường Đại học của Nhật nơi bạn du học
④ Sinh viên dự thính*	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích “dự thính”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường Đại học của Nhật nơi bạn du học
⑤ Sinh viên tự do lựa chọn môn học *	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích “tích lũy tín chỉ”.	Có thể tích lũy	Trường du học	Trường Đại học của Nhật nơi bạn du học

* Theo quy định, để có tư cách lưu trú “Du học”, cả Nghiên cứu sinh dự thính, Sinh viên dự thính và Sinh viên tự do lựa chọn môn học cần phải “dự thính ít nhất 10 tiếng trở lên trong 1 tuần” Ngoài ra, nghiên cứu sinh không nghe giảng và tham gia nghiên cứu không thù lao sẽ thuộc diện tự cách lưu trú “Hoạt động văn hóa”.



Tra cứu các trường Đại học có chương trình ngắn hạn trong mục 2 (Trang Thông tin du học Nhật Bản)

https://www.studyinjapan.go.jp/ja/search-for-schools/school_search.php



Q Có học bổng dành cho du học ngắn hạn không?

A Có những loại học bổng sau:

① Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh tiếng Nhật và văn hóa Nhật Bản.

Đối tượng: sinh viên đang theo học tại các trường Đại học (các khoa) và nghiên cứu các lĩnh vực liên quan tới tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản.

Số tiền cấp hàng tháng: 117,000 JPY

Liên hệ: ① Tiến cử bởi Đại sứ quán: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước sở tại
② Tiến cử bởi trường Đại học: Trường Đại học đang theo học

② Học bổng được cấp theo chế độ hỗ trợ du học nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định) của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

Đối tượng: sinh viên du học từ 8 ngày đến 1 năm theo hiệp định giao lưu giữa các trường Đại học.

Số tiền cấp hàng tháng: 80,000 JPY

Liên hệ: Trường trong nước đang theo học

2. Hãy tìm hiểu về học chuyển tiếp, học liên thông

Mặc dù có nhiều trường có chế độ học liên thông nhưng tình hình thực tế có nhiều thay đổi như sau:

- Không phải năm nào cũng tiếp nhận.
- Không phải tất cả các khoa, các ngành đều tiếp nhận.
- Không phải tất cả số năm học đã hoàn thành hoặc số tín chỉ đã đạt được trước đó đều được công nhận.

Để học liên thông vào các trường Đại học (khoa) cần đáp ứng một trong số các điều kiện dưới đây:

- Đã tốt nghiệp trường Cao đẳng (bao gồm cả trường Cao đẳng của nước ngoài), hoặc Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)
- Hoàn thành khóa học chuyên môn của Trường dạy nghề (chương trình học đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ quy định)
- Hoàn thành chương trình học ở các trường Đại học nước ngoài có cơ sở đào tạo tại Nhật Bản (tương đương Cao đẳng) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
- Hoàn thành khóa chuyên môn của các trường Trung học phổ thông (bao gồm các trường giáo dục đặc biệt và khóa kỳ sau của các trường Trung học cơ sở) đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ quy định.

※ Các trường Đại học sẽ quyết định điều kiện, chứng chỉ liên quan đến học chuyển tiếp.

Thông tin về chế độ học chuyển tiếp, học liên thông ít hơn so với thông tin về kỳ thi nhập học thông thường. Hãy nhanh chóng hỏi trực tiếp các trường bạn có nguyện vọng học để biết thông tin chi tiết.



Tra cứu các trường Đại học có chế độ học liên thông (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)

https://www.studyinjapan.go.jp/ja/search-for-schools/school_search.php



TRƯỜNG KỸ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp là cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông được gọi là “KOSEN”. Tiến hành đào tạo cho học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở trong vòng 5 năm (đối với ngành Thương mại hàng hải là 5 năm rưỡi). Thông thường, du học sinh nước ngoài sẽ học liên thông vào năm thứ 3. Trên toàn quốc Nhật có 51 trường KOSEN Quốc lập với và 55 Campus. Ngoài KOSEN Quốc lập còn có KOSEN Công lập và KOSEN Tư lập.

1. Đặc thù đào tạo

- Là cơ sở đào tạo kỹ thuật viên thực hành có thể thích ứng nhanh chóng với khoa học kỹ thuật tiên tiến, học hỏi kỹ thuật mang tính ứng dụng trên thế giới trên cơ sở đào tạo lý thuyết nâng cao kết hợp coi trọng thực nghiệm, thực tập và thực hành.
- Có nhiều môn chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ, ngoài ra còn có khoa Thương mại hàng hải mục đích là đào tạo các thuyền viên.
- Sau khi hoàn thành khóa học 5 năm, người học có thể nhận được chứng chỉ tương đương Cao đẳng.
- Sau khi kết thúc khóa học 5 năm, còn có chế độ đào tạo nâng cao thêm 2 năm.
- Sau khi hoàn thành khóa chuyên ngành và vượt qua vòng đánh giá của Tổ chức quốc gia về cấp học vị và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học (NIAD-QE), người học có thể nhận bằng “Cử nhân”.

2. Điều kiện học liên thông

Cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau (trường hợp KOSEN Quốc lập)

- ① Đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học trên 11 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
- ② Đã hoặc dự kiến đỗ kỳ thi đánh giá học lực tương đương chương trình học từ 11 năm trở lên ngoài nước Nhật.
- ③ Đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học tại các trường dành cho người nước ngoài ở Nhật đã được chỉ định tương đương với Trung học phổ thông tại nước ngoài.
- ④ Người có bằng hoặc dự kiến nhận bằng Tú tài quốc tế ngoài nước Nhật do Văn phòng Tú tài quốc tế - Cơ quan được thành lập dựa trên Bộ Luật dân sự Thụy Sĩ, trao tặng.
- ⑤ Người có bằng hoặc dự kiến nhận bằng Abitur ngoài nước Nhật, được công nhận là bằng cấp ứng tuyển vào Đại học ở các bang của Cộng hòa Liên bang Đức.
- ⑥ Người có bằng hoặc dự kiến nhận bằng Tú tài ngoài nước Nhật, được công nhận là bằng cấp ứng tuyển vào Đại học tại Cộng hòa Pháp.
- ⑦ Đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học 11 năm tại các trường dành cho người nước ngoài được các Tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
- ⑧ Những người được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông.

※ Trong các mục từ ① -> ③, trường hợp không thỏa mãn điều kiện của Chương trình đào tạo 11 năm, thì phải hoàn thành chương trình học tại cơ sở thực tập hoặc khóa dự bị được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

3-1. Du học bằng học bổng Chính phủ

Du học sinh nhận học bổng của Chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ – MEXT) cần nộp hồ sơ thông qua cơ quan đại diện ngoại giao của Nhật Bản (Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán) tại nước sở tại.

Lưu ý rằng một số quốc gia, khu vực không áp dụng học bổng này cho khóa KOSEN, vui lòng xác nhận thông tin cụ thể với cơ quan đại diện ngoại giao Nhật Bản tại nước sở tại.

3-2. Trường hợp du học tự túc

1 Giấy tờ cần nộp

Giấy tờ cần nộp có mẫu thống nhất vì Hiệp hội các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp tổ chức thi tuyển chọn chung cho các trường KOSEN Quốc lập. Hãy kiểm tra thông tin trên trang web của Hiệp hội các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp.

Trường hợp nộp hồ sơ vào trường KOSEN Công lập hoặc Tư lập, cần xác nhận thông tin tuyển sinh của từng trường.

2 Thi đầu vào (trường hợp KOSEN Quốc lập)

Hiệp hội các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp sẽ đánh giá tổng hợp các mục dưới đây để quyết định đỗ, trượt.

- ① Đơn xin học
- ② Giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc hoàn thành chương trình) và bảng điểm Trung học phổ thông (hoặc tương đương)
- ③ Kết quả Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)
- ④ Thành tích của một trong số các kỳ thi sau: TOEFL®, IELTS hoặc TOEIC® L&R
- ⑤ Đánh giá qua phỏng vấn (online)

 **Hiệp hội các trường KOSEN Quốc lập**
<https://www.kosen-k.go.jp/>

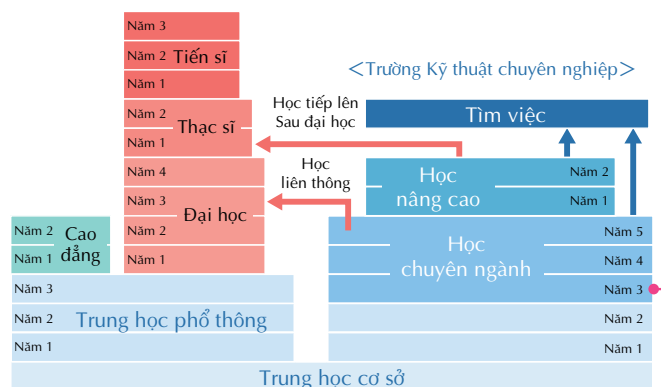


4. Lộ trình sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp KOSEN, du học sinh nhiều lựa chọn phong phú để phát triển sự nghiệp.

Du học sinh có thể lựa chọn làm việc tại các doanh nghiệp, phát huy những kiến thức, kỹ năng đã học tại KOSEN trong các lĩnh vực như nghiên cứu và phát triển, quản lý sản xuất. Ngoài ra, du học sinh cũng có thể tiếp tục học lên chương trình nâng cao (senkoka) hoặc chuyển tiếp vào các trường Đại học để nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn và kỹ thuật của mình.

Như vậy, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có rất nhiều lựa chọn phong phú để phát triển sự nghiệp.



TRƯỜNG DẠY NGHỀ (KHÓA CHUYÊN MÔN TRƯỜNG DẠY NGHỀ)

Trường dạy nghề còn được gọi là “Trường chuyên môn” là một trong các cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông có các khóa chuyên ngành trong Trường dạy nghề. Là cơ sở giáo dục với mục đích nâng cao kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thực tế, rèn luyện kỹ thuật, học kỹ năng và nâng cao trình độ văn hóa. Ngoài khóa đào tạo trên 2 năm có thể nhận được chứng chỉ “Chuyên môn”, còn có các khóa đào tạo 4 năm trở lên có thể nhận được chứng chỉ “Chuyên môn cao cấp” hướng tới việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cao hơn.

1. Đặc thù đào tạo như thế nào?

Trường dạy nghề phân chia thành 8 chuyên ngành lớn là: ① Y tế, ② Công nghiệp - Nông nghiệp, ③ Văn hóa - Đào tạo, ④ Thực tiễn thương mại, ⑤ Dinh dưỡng, ẩm thực, sản xuất bánh kẹo, ⑥ Thẩm mỹ, tạo mẫu tóc, ⑦ Giáo dục - Phúc lợi xã hội, ⑧ Thời trang, Công việc gia đình.

Ví dụ, có thể học những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các công việc dưới đây:

Nhà thiết kế nội thất, Kiến trúc sư, Kỹ sư hệ thống, Thợ sửa ô tô, Điều dưỡng, Chuyên gia dinh dưỡng, Đầu bếp, Thợ làm bánh, Thợ làm tóc, Kế toán viên hành nghề chính thức, Thông dịch viên, Biên dịch viên, Tiếp viên hàng không, Nhân viên khách sạn, Người chăm sóc trẻ, Người giúp việc, Nhà thiết kế thời trang, Sản xuất phim hoạt hình, Đạo diễn phim, Nghệ sĩ biểu diễn, Nhà thiết kế Game, Nhà thiết kế trang sức v.v.

Người học được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ thuật cùng các chứng chỉ cần thiết cho công việc. Sau khi tốt nghiệp, nhiều người đã tìm được công việc và phát huy tốt năng lực trong môi trường việc làm tại Nhật Bản.

2. Năng lực tiếng Nhật cần thiết

Các giờ học ở Trường dạy nghề đều dạy bằng tiếng Nhật nên sinh viên phải có năng lực tiếng Nhật. Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã học tiếng Nhật từ một năm trở lên tại cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.
- ② Đã đỗ N1 hoặc N2 trong Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) do Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services) và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) tổ chức.
- ③ Đã từng học trên 1 năm tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông của Nhật.
- ④ Đạt 200 điểm trở lên (tổng điểm môn tiếng Nhật (đọc hiểu, nghe hiểu và nghe đọc hiểu)) trong Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU).
- ⑤ Đạt 400 điểm trở lên trong Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật thương mại BJT do Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán tổ chức.

3. Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
 - ② Đủ 18 tuổi, đủ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
 - ③ Đã hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường Trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
 - ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
 - ⑤ Những người có bằng Tú tài Quốc tế, bằng Abitur của Đức, bằng Tú tài Pháp hoặc những người thỏa mãn số điểm trong kỳ thi GCE A level (Chứng chỉ Giáo dục Phổ thông bậc cao) theo quy định riêng của từng trường.
 - ⑥ Đã hoàn thành chương trình học 12 năm ở các trường dành cho người nước ngoài tại Nhật được các Tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
 - ⑦ Đủ 18 tuổi, đủ kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.
 - ⑧ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
 - ⑨ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo Luật Giáo dục ngoài các điều kiện trên.
- ※ Từ ① ~ ③, nếu chương trình học không đủ 12 năm cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

 Điều kiện nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT)

https://www.mext.go.jp/a_menu/shougai/senshuu/1280727_1.htm



4. Chọn trường

Trường dạy nghề, Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Trường được cấp phép chính thức	Là trường được Tỉnh trường cấp phép không? Nếu là trường không được cấp phép, sẽ không lấy được chứng chỉ "Chuyên môn"
② Nội dung đào tạo, số lượng giáo viên	Chương trình đào tạo thế nào? Tỷ lệ giáo viên và học sinh?
③ Cơ sở vật chất, thiết bị	Có trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hành về mặt kỹ thuật không?
④ Hướng dẫn tìm việc, định hướng cho sinh viên sau tốt nghiệp	Phương châm hướng dẫn tìm việc? Nơi làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp? Có thể tìm được công việc đúng với ngành nghề mong muốn không?
⑤ Học phí, Học bổng	Tổng chi phí cho đến khi tốt nghiệp là bao nhiêu? Có chế độ học bổng hoặc miễn giảm học phí không?



Tra cứu Trường dạy nghề (Hiệp hội các Trường dạy nghề Tokyo)
<https://tsk.or.jp/>



Danh sách các Trường dạy nghề tiếp nhận du học sinh (Tổ chức đào tạo công việc và đào tạo nghề nghiệp)
<https://study-japan-ptc.jp/search/>



5. Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông
- ③ Bảng điểm của cấp học gần nhất
- ④ Giấy xác nhận tỷ lệ tham dự giờ học tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, bảng điểm (trường hợp sống ở Nhật)
- ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật (trường hợp sống ở ngoài nước Nhật)
- ⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

6. Kỳ thi đầu vào

Tổ chức kết hợp nhiều vòng thi như: ① Xét hồ sơ, ② Kiểm tra học lực, ③ Phỏng vấn, ④ Viết luận, ⑤ Kiểm tra sự phù hợp, ⑥ Kiểm tra kỹ năng thực tế, ⑦ Thi tiếng Nhật v.v.

Thi đầu vào tập trung đánh giá các yếu tố sau ① Mục đích vào học ② Có năng lực tiếng Nhật và học lực để theo học sau khi vào học không ③ Có ý muốn học tập không.

7. Sự khác biệt giữa chứng chỉ Chuyên môn và chứng chỉ Chuyên môn cao cấp

	Chứng chỉ Chuyên môn	Chứng chỉ Chuyên môn cao cấp
① Thời gian học	2 năm trở lên	4 năm trở lên
② Thời lượng học	1.700 giờ học, 62 tín chỉ trở lên	3.400 giờ học, 124 tín chỉ trở lên
③ Đánh giá tốt nghiệp	Đánh giá tốt nghiệp qua kết quả thi tốt nghiệp, đánh giá hoàn thành khóa học	
④ Tổ chức khóa học	—	Khóa học được tổ chức có hệ thống
⑤ Cơ hội sau khi tốt nghiệp	Được học liên thông vào Đại học nếu lấy được chứng chỉ Chuyên môn	Được học liên thông hệ Sau đại học nếu lấy được chứng chỉ Chuyên môn cao cấp

Thông tin về trường nghề (Quý Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục Hướng nghiệp)
https://study-japan-ptc.jp/top_ja.html



CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIẾNG NHẬT

Là các cơ sở dạy tiếng Nhật dành cho đối tượng tiếng Nhật không phải tiếng mẹ đẻ.

Các khóa học tại đây được thiết kế phù hợp với mục tiêu học tập của người học, ví dụ các khóa học trang bị năng lực tiếng Nhật để theo học tại các cơ sở giáo dục “Sau Trung học phổ thông” của Nhật Bản, bao gồm khả năng nghe giảng và viết báo cáo bằng tiếng Nhật; các khóa học giao tiếp cuộc sống hàng ngày; hoặc các khóa tiếng Nhật thương mại để làm việc tại Nhật Bản.

Tại các trường Đại học của Nhật Bản, nhiều môn học được giảng dạy bằng tiếng Nhật. Vì vậy để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của môn học, người học cần có năng lực tiếng Nhật tương đương trình độ B2 trở lên theo “Khung tham chiếu về giáo dục tiếng Nhật” ※1, tương đương trình độ N1 hoặc N2 của kỳ thi năng lực tiếng Nhật. Thông thường cần khoảng 700 đến 1.070 giờ học để đạt được các trình độ này.

※1 Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) đã đưa ra “Khung tham chiếu về giáo dục tiếng Nhật” dựa trên tham khảo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) để chia trình độ năng lực tiếng Nhật thành 6 cấp độ (từ A1 đến C2).

1. Các loại hình cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được chia thành 3 loại chính.

1. Trường Nhật ngữ

Là các trường được thành lập bởi các tổ chức có tư cách pháp nhân như trường học, doanh nghiệp, v.v..

Bên cạnh các khóa tiếng Nhật thông thường, nhiều trường cung cấp các khóa học đa dạng như khóa học dự bị để học tiếp lên bậc cao hơn, khóa học tiếng Nhật thương mại, v.v.. Thời gian học linh hoạt từ vài tuần cho đến tối đa 2 năm.

2. Khóa tiếng Nhật tại Trường dạy nghề

Là các khóa học tại các Trường dạy nghề được chính quyền địa phương cấp phép.

Bên các khóa tiếng Nhật thông thường, các trường cũng có các khóa học tiếng Nhật để học lên bậc cao hơn. Thời gian khóa học từ 1 đến 2 năm.

3. Khóa dự bị dành cho du học sinh tại các trường Đại học, Cao đẳng tư lập (khóa Bekka)

Khóa dự bị Bekka là khóa học do các trường Đại học tổ chức nhằm cung cấp kỹ năng chuyên môn, trong đó các khóa dành riêng cho du học sinh nước ngoài được gọi chung là “Khóa dự bị cho du học sinh”. Có nhiều khóa học dự bị cho du học sinh khác nhau như Khóa điều dưỡng, Khóa Quốc tế, Khóa tiếng Nhật, v.v.. Tùy vào từng trường mà nội dung đào tạo sẽ khác nhau, nhưng phần lớn các khóa này đều giảng dạy tiếng Nhật và các môn học cơ bản cần thiết để học lên Đại học, các kiến thức về văn hóa Nhật Bản. Thời gian học thường kéo dài từ 1 đến 2 năm.

2. Thời gian nộp hồ sơ và thời gian nhập học

Nhập học tháng 4	Nhập học tháng 10	
Tháng 4 - 9	Tháng 10 - 2	Tập hợp hồ sơ, chuẩn bị hồ sơ
Tháng 9 - 11	Tháng 2 - 4	Nộp hồ sơ
Tháng 1 - 3	Tháng 7 - 9	Thủ tục nhập cảnh, thủ tục nhập học
Tháng 4	Tháng 10	Bắt đầu chương trình học

※Một số trường Nhật ngữ có các khóa học bắt đầu từ tháng 1 hoặc tháng 7 tuy số lượng không nhiều.

※Một số khóa dự bị dành cho du học sinh (Bekka) tại các trường đại học cũng có kỳ nhập học mùa thu vào tháng 9.

● Chương trình dự bị Đại học

Điều kiện để được theo học tại các trường Đại học tại Nhật Bản là hoàn thành 12 năm chương trình giáo dục chính quy. Trường hợp thời gian đào tạo của các trường chính quy tại nước sở tại không đủ 12 năm, cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị do Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) chỉ định để đủ điều kiện nộp hồ sơ. (Xem thêm về Hệ thống giáo dục Nhật Bản tại trang 9).

Trong khóa đào tạo dự bị, ngoài môn tiếng Nhật, người học sẽ được học các môn học cơ bản cần thiết cho việc nhập học vào các trường Đại học. Danh sách các cơ sở đào tạo tiếng Nhật có triển khai chương trình dự bị Đại học được công bố trên trang web của Bộ Giáo dục Nhật Bản.

Danh sách các Khóa dự bị Đại học được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản chỉ định

https://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/07111314/001.htm



3. Hồ sơ cần nộp

Dưới đây là một số giấy tờ cơ bản. Tùy từng trường mà hồ sơ cần nộp và tư cách nhập học sẽ khác nhau nên hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng theo học. Ngoài việc xét hồ sơ, một số trường có thể phỏng vấn người dự thi và phụ huynh hoặc tổ chức kỳ thi viết.

- ① Đơn xin nhập học
- ② Bằng tốt nghiệp (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) của bậc học gần nhất
- ③ Bảng điểm của bậc học gần nhất
- ④ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính
- ⑤ Giấy tờ khác

4. Hãy tìm trường

Khi lựa chọn cơ sở đào tạo tiếng Nhật, bạn nên kiểm tra xem đó có phải là trường được công nhận bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) hay không. Các cơ sở được công nhận là các trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện nhất định và có khả năng triển khai chương trình giảng dạy tiếng Nhật một cách phù hợp và đáng tin cậy. Tại Nhật Bản, chỉ những cơ sở đã được công nhận mới có thể tiếp nhận du học sinh học tiếng Nhật dưới tư cách lưu trú “Du học”^{※2}.

Ngoài ra, “Cơ sở giáo dục tiếng Nhật được công nhận” nêu trên cũng bao gồm các Khóa tiếng Nhật của Trường dạy nghề hoặc khóa đào tạo dự bị dành cho du học sinh của các trường Đại học.

※2 Đến hết tháng 3 năm 2029, các cơ sở giáo dục tiếng Nhật do Bộ Tư pháp công bố, khóa tiếng Nhật của Trường dạy nghề và các khóa đào tạo dự bị của các trường Đại học, Cao đẳng chưa phải là “Cơ sở giáo dục tiếng Nhật được công nhận” vẫn có thể tiếp nhận du học sinh học tiếng Nhật dưới tư cách lưu trú “Du học”.

Các trang web hữu ích khi tìm kiếm cơ sở giáo dục tiếng Nhật



Cổng thông tin về Luật “Cơ sở giáo dục tiếng Nhật được công nhận” (MEXT)

<https://www.nihongokyouiku.mext.go.jp/top>



Tổ chức pháp nhân Hiệp hội xúc tiến giáo dục tiếng Nhật

<https://www.nisshinkyo.org/search>



Danh sách các cơ sở giáo dục tiếng Nhật do Bộ Tư pháp công bố

https://www.moj.go.jp/isa/applications/resources/nyuukokukanri07_00217.html



Tổ chức pháp nhân Hội liên hiệp trường tiếng Nhật toàn quốc (JalSA)

<https://jalsa.tokyo>



Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Mục đích học là gì?	Giao tiếp hàng ngày? Học lên Đại học? Tiếng Nhật thương mại?
② Visa du học	Có phải cơ sở giáo dục tiếng Nhật được công nhận hoặc cơ sở giáo dục được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố không?
③ Tổ chức lớp học	Có tiến hành chia lớp theo trình độ tiếng Nhật của học sinh không? Một lớp có bao nhiêu người?
④ Tỷ lệ học sinh đến từ các nước	Có nhiều học sinh đến từ các nước sử dụng chữ Hán không? Có sự quan tâm tới học sinh đến từ các nước không sử dụng chữ Hán không?
⑤ Phương pháp luyện thi	Có tổ chức ôn thi du học Nhật Bản (EJU) hoặc năng lực tiếng Nhật (JLPT) không? Có giờ học của môn cơ bản (tiếng Anh, Toán, Khoa học tự nhiên, Lịch sử thế giới, Địa lý v.v.) không?
⑥ Tư vấn định hướng về học tập và cuộc sống sinh hoạt	Có tư vấn định hướng về học tập hoặc về cuộc sống sinh hoạt không?
⑦ Định hướng của học sinh tốt nghiệp	Nơi học tiếp lên của học sinh đã tốt nghiệp?
⑧ Học phí	Số tiền có tương ứng với số giờ học, trang thiết bị không? Quy định về việc hoàn tiền học phí có được ghi rõ trên Website hoặc thông tin tuyển sinh không?
⑨ Thi đầu vào	Chỉ đánh giá hồ sơ? Có phỏng vấn người bảo lãnh hoặc người cần liên lạc tại Nhật không? Có tuyển chọn học sinh ngoài nước Nhật không?
⑩ Địa chỉ của trường	Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?
⑪ Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho học sinh không? Có tìm giúp phòng trọ không?

Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)



Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật và trình độ kiến thức cơ bản (Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Toán học) của du học sinh người nước ngoài có nguyện vọng du học Đại học (khoa) của Nhật Bản.



Hơn 60% số trường Đại học của Nhật Bản và gần như toàn bộ Đại học Quốc lập sử dụng kết quả EJU để tuyển chọn sinh viên nhập học.

Tùy vào từng trường, kỳ thi đầu vào có thể khác nhau theo từng khoa và một trường có thể áp dụng nhiều hình thức xét tuyển khác nhau nên bạn cần tìm hiểu sớm về hình thức tuyển sinh của khoa mà bạn muốn đăng ký. Tại trang web dưới đây, chúng tôi giới thiệu danh sách các trường sử dụng kết quả EJU trong tuyển sinh và các môn thi cần thiết.



Các trường sử dụng kết quả Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) trong kỳ thi đầu vào

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/examinee/use/>



1. Thời gian thi khi nào?

Một năm tổ chức 2 lần

Lần 1: tháng 6

Lần 2: tháng 11

2. Địa điểm thi ở đâu?

Tại Nhật Bản: 17 thành phố

Ngoài Nhật Bản: 17 thành phố thuộc 13 quốc gia, khu vực
Những thành phố (ngoài nước Nhật) tổ chức thi EJU.

Ấn Độ (New Delhi), Indonesia (Jakarta, Surabaya), Hàn Quốc (Seoul, Busan), Sri Lanka (Colombo), Singapore, Thái Lan (Bangkok, Chiangmai), Đài Loan (Đài Bắc), Philippines (Manila), Việt Nam (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh), Hong Kong, Malaysia (Kuala Lumpur), Myanmar (Yangon), Mông Cổ (Ulaanbaatar).

3. Môn thi

Lựa chọn môn thi (từ 1 ~ 3 môn), ngôn ngữ thi theo yêu cầu của trường. Thí sinh không thể cùng lúc chọn thi môn Khoa học tự nhiên và môn tổng hợp (Khoa học xã hội).

Môn thi	Mục đích	Thời gian	Thang điểm	Chọn môn	Ngôn ngữ thi
Tiếng Nhật	Đánh giá trình độ tiếng Nhật (Tiếng Nhật học thuật) cần có để học tập tại các trường Đại học của Nhật.	125 phút	Đọc hiểu, Nghe hiểu và Nghe đọc hiểu 0~400 điểm Viết 0~50 điểm		Chỉ bằng tiếng Nhật
Học lực cơ bản	Khoa học tự nhiên Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về các môn Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) cần thiết để học tại các ngành thuộc khối Khoa học tự nhiên trong các trường Đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm	Chọn 2 trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học	Tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (lựa chọn)
	Khoa học xã hội Đánh giá học lực cơ bản đối với môn Khoa học xã hội đặc biệt là khả năng tư duy và lý luận cần thiết để học tại các trường Đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm		
	Toán học Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về môn Toán cần thiết để học tại các trường Đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm	Chọn 1 trong 2 chương trình, chương trình 1 (Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên sử dụng ít Toán), chương trình 2 (sử dụng nhiều Toán)	

※ Môn Khoa học xã hội là một môn học riêng biệt của Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU). Đây là môn học kết hợp các môn “Công dân” (trọng tâm là Kinh tế - Chính trị), “Địa lý”, “Lịch sử” được học tại các trường Trung học phổ thông của Nhật Bản.

(Ví dụ) Hướng dẫn tuyển sinh của trường Đại học A (Chỉ định các môn thi EJU)

Khoa	Tiếng Nhật	Khoa học xã hội	Toán học	Khoa học tự nhiên				Ngôn ngữ thi đánh giá học lực cơ bản	Áp dụng cho kỳ thi của đợt
				Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tự chọn môn thi		
Khoa Luật	○	○	Chương trình 1					Tiếng Nhật	Tháng 6, Tháng 11
Khoa Kỹ thuật			Chương trình 2	○			Tự chọn 1 môn còn lại	Tiếng Anh	Tháng 6

4. Lịch trình

		Lần 1	Lần 2	
①	Nộp hồ sơ	Tháng 2 ~ 3	Tháng 7	Trong thời gian nộp hồ sơ, thí sinh đăng ký bằng hình thức đã quy định sẵn*1 và nộp lệ phí thi. (Thời gian nộp hồ sơ có thể thay đổi theo từng năm, hãy xác nhận kỹ)
②	Nhận phiếu dự thi	Tháng 5	Tháng 10	Gửi phiếu dự thi *2
③	Ngày thi	Tháng 6	Tháng 11	Dự thi
④	Công bố kết quả	Tháng 7	Tháng 12	Xác nhận trên trang Web ※Trường sẽ đối chiếu (xác nhận) trực tiếp với JASSO về kết quả thi EJU của thí sinh.

*1 Tùy vào thành phố dự thi, thí sinh sẽ đăng ký bằng hình thức gửi bưu điện hoặc online. Cụ thể hãy xác nhận tại trang web sau:

*2 Tại một số quốc gia, phiếu dự thi sẽ được nhận ngay khi nộp hồ sơ đăng ký.

Cách thức nộp hồ sơ dự thi Kỳ thi EJU

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/examinee/procedure/application.html>



5. Lợi ích của kỳ thi EJU

① Chế độ đăng ký học bổng

Những du học sinh tự phí có kết quả thi EJU xuất sắc, là sinh viên chính thức tại các trường Đại học (khoa), Cao đẳng, Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở đi) hoặc Trường dạy nghề đều có thể đăng ký nhận học bổng của JASSO (học bổng khuyến khích học tập dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (chế độ đăng ký chương trình xúc tiến tiếp nhận du học sinh).

Số tiền: 48,000 yên / 1 tháng (Năm 2024)

Cách thức đăng ký: Đăng ký theo hình thức được quy định khi nộp hồ sơ thi EJU.

Phương thức tuyển chọn: Tuyển chọn thí sinh có thành tích xuất sắc trong kỳ thi EJU

Chế độ đăng ký chương trình xúc tiến tiếp nhận du học sinh

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/scholarship_j/shoreihi/yoyaku_eju/index.html



② Không giới hạn số lần thi và độ tuổi! Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm!

Bạn có thể dự thi EJU bao nhiêu lần cũng được. Không bị giới hạn về độ tuổi. Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm (có thể sử dụng kết quả của tối đa 4 lần thi) nhưng chỉ có thể nộp kết quả của 1 lần cho 1 trường. Ngoài ra, không thể nộp kết quả của từng môn từ nhiều kỳ thi khác nhau. Nhiều trường sẽ chỉ định thời gian phải dự thi, cho nên cần xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường đó.

③ Có thể nhập học trước khi sang Nhật

Có những trường cho phép nhập học trước khi sang Nhật nếu sử dụng kết quả thi EJU.

Danh sách trường sử dụng kết quả thi EJU và cho phép nhập học trước khi sang Nhật

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/examinee/prearrival/>



6. Đề thi EJU các năm trước

Mẫu đề thi các năm trước

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/examinee/pastpaper_sample/index.html



● Đề thi kỳ thi du học Nhật Bản EJU có kèm CD nghe hiểu, nghe đọc hiểu

Đề thi EJU của các năm.

Biên soạn, biên tập: JASSO

Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd.

(Được bày bán tại Nhật Bản và Hàn Quốc)

※ Có thể xem cuốn sách này tại các địa điểm công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 44)



Liên hệ Về Kỳ thi du học Nhật Bản

Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/>



Dự thi ở ngoài nước Nhật

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/examinee/contact/index.html>

(Liên hệ với Cơ quan tổ chức thi tại nước ngoài)



Dự thi tại Nhật Bản – Trung tâm tiếp nhận EJU

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/about/1199657_2084.html



Kinh nghiệm của những người đã dự thi:

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/examinee/voice/index.html>



NHỮNG KỲ THI CẦN THIẾT ĐỂ DU HỌC NHẬT BẢN

Hãy xác nhận hướng dẫn tuyển sinh của trường có nguyện vọng nhập học và tham dự các kỳ thi được chỉ định.

1. Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)

Là kỳ thi được tổ chức với mục đích đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Nhật cho những người có tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Nhật. Kỳ thi được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 ở cả trong và ngoài nước Nhật.

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật gồm 5 cấp độ: N1, N2, N3, N4 và N5, trong đó N1 là cấp độ cao nhất. Cấp độ N1 thể hiện khả năng hiểu tiếng Nhật sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của cuộc sống. Thông thường người học cần đạt trình độ N1 hoặc N2 để theo học tại các trường Đại học hoặc Trường dạy nghề ở Nhật Bản bằng tiếng Nhật.

① Thi tại Nhật Bản

Japanese Language Learning Promotion Division, Japan Educational Exchanges and Services (JEES)

(Trung tâm tiếp nhận hồ sơ/ Ngày thường: 9:30~17:30).

TEL: (+81) 3-6686-2974

Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật (JLPT) (Dự thi trong nước Nhật)

<https://info.jees-jlpt.jp/>



② Thi ngoài nước Nhật

Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)

FAX: (+81) 3-5367-1025

Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật (JLPT) <https://www.jlpt.jp/>



2. Kỳ thi Đại học toàn quốc

Là kỳ thi được tổ chức dành cho học sinh Nhật Bản khi thi vào các trường Đại học Quốc lập, công lập hoặc một số trường Đại học (khoa) tư lập.

Để đánh giá toàn diện năng lực học tập cơ bản, kỳ thi được tổ chức một lần mỗi năm với các môn: Ngữ văn, Địa lý – Lịch sử, Công dân, Toán học, Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học), và Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Hàn, v.v.).

Đối với du học sinh nước ngoài, đa số các trường Đại học không yêu cầu phải tham dự kỳ thi này, tuy nhiên một số khoa của một số trường Đại học (chủ yếu là Y khoa, Nha khoa) sẽ yêu cầu dự thi.

 **National Center for University Entrance Examinations**
<https://www.dnc.ac.jp/kyotsu/>



3. Những kỳ thi cần thiết khác khi du học Nhật Bản

● Kỳ thi chứng nhận năng lực tiếng Anh

TOEFL®, IELTS, TOEIC®, Kỳ thi đánh giá kỹ năng tiếng Anh thực tế (Kiểm tra tiếng Anh)

● Kỳ thi chứng nhận học lực sau khi hoàn thành giáo dục Trung học (hoặc trường sau THPT)

SAT, ACT, International Baccalaureate Exams, kết quả thi Đại học tại nước sở tại



Lời khuyên

Rất nhiều các trường Đại học của Nhật yêu cầu nộp chứng chỉ tiếng Anh trong bộ hồ sơ. Hãy xác nhận thời gian thi và dự thi sẵn để kịp thời nộp hồ sơ vào các trường Đại học.



DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG MẠNG LƯỚI QUỐC TẾ NHẪM THÚC ĐẨY DU HỌC NHẬT BẢN

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) đã thành lập các văn phòng đại diện du học Nhật Bản ở nước ngoài tại nhiều khu vực trên thế giới để giới thiệu sức hấp dẫn của du học Nhật Bản. Tại mỗi văn phòng, các trường Đại học được ủy nhiệm thực hiện “Dự án tăng cường chức năng mạng lưới Quốc tế nhằm thúc đẩy du học Nhật Bản” tại từng khu vực sẽ giữ vai trò trung tâm. Những hoạt động chính bao gồm cung cấp thông tin liên quan đến du học Nhật Bản, tổ chức hội thảo du học và đến thăm các trường để thu hút du học sinh ưu tú, thực hiện các hoạt động hỗ trợ du học sinh một cách toàn diện từ khi tuyển sinh đến hỗ trợ sau khi về nước.

Khu vực Trung Đông và Bắc Phi: Đại học Kyushu

Afghanistan, Yemen, Israel, Iraq, Iran, Oman, Qatar, Cô-oét, Ả Rập Xê Út, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Bahrain, Palestine, Jordan, Li-băng, An-giê-ri, Ai Cập, Tunisia, Ma-rốc, Libya.
Trang web: <https://jmena.jp/ja/>



Khu vực CIS (Trung Á và Kavkaz): Đại học Tsukuba

Uzbekistan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkmenistan, Belarus, Moldova, Azerbaijan, Armenia, Georgia.

Khu vực Đông Nam Á (ASEAN): Đại học Okayama

Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào, Việt Nam, Philippines, Singapore, Brunei
<https://studyin-japan-asean.jp/index.php?lg=ja&page=>



Khu vực Nam Á: Đại học Tokyo

Ấn Độ, Sri Lanka, Nepal, Pakistan, Bangladesh, Bhutan, Maldives

Châu Phi (khu vực Hạ Sahara): Đại học Akita

Nam Phi, Kenya, Nigeria, Botswana, Ghana, Tanzania, Uganda, Rwanda, Zambia, Ethiopia, Bờ Biển Ngà (Côte d'Ivoire), Zimbabwe, Senegal, Mozambique, Madagascar
<https://www.studyin-japan-for-africa.com/about-us/contact-us/>



Khu vực Nam Mỹ: Đại học Tsukuba

Argentina, Uruguay, Ecuador, Guyana, Colombia, Suriname, Chile, Paraguay, Brazil, Venezuela, Peru, Bolivia
<https://es.estudenojapao.com/>
<https://www.estudenojapao.com/>



THỦ TỤC NHẬP CẢNH

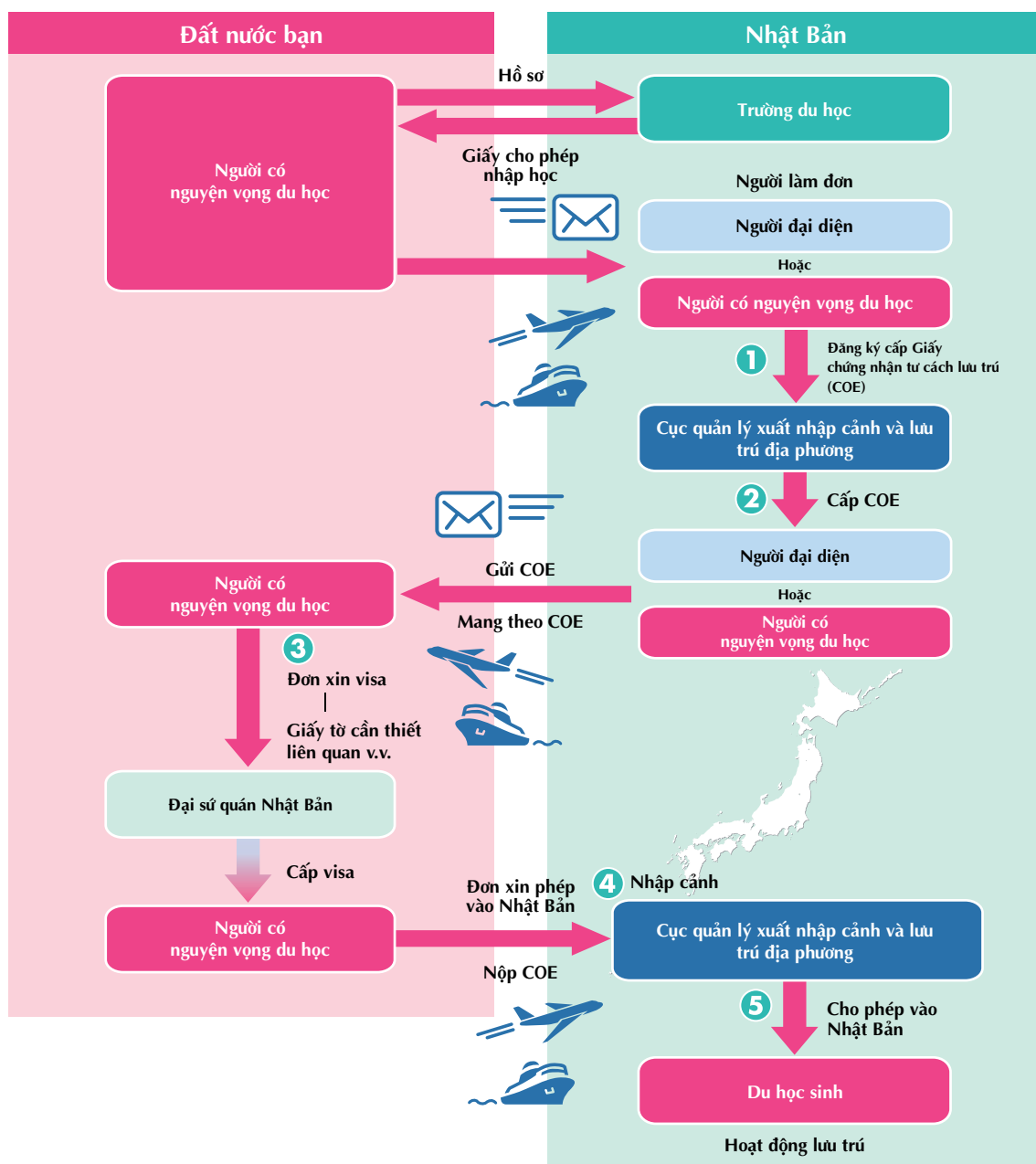
 Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Bộ Tư pháp

<https://www.moj.go.jp/isa/index.html>

Visa và tư cách lưu trú

Trước khi nhập cảnh vào nước Nhật phải xin visa. Có nhiều loại visa và tư cách lưu trú tùy vào mục đích đến Nhật hoặc thân phận, địa vị của người nước ngoài.

Tư cách lưu trú để học ở các trường Đại học, Cao đẳng, Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), Trường dạy nghề, Cơ sở giáo dục tiếng Nhật của Nhật là “Du học.” Thời gian lưu trú là 4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng.



1. Xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)

Người có nguyện vọng du học (người làm đơn) hoặc người đại diện (ví dụ như người thân của người làm đơn hoặc nhân viên của cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh) sẽ làm đơn gửi lên Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong nước Nhật để xin cấp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE).”

※ Phần lớn các cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh sẽ đại diện xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú COE.

※ Hãy hỏi trường bạn sẽ nhập học để biết rõ về giấy tờ cần thiết.

2. Giấy tờ chứng minh năng lực chi trả kinh phí trong thời gian ở Nhật

Khi xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú hoặc Visa, có những trường hợp yêu cầu phải nộp giấy tờ chứng minh bạn đã chuẩn bị đủ kinh phí cho những phát sinh trong thời gian du học tại Nhật.

● **Thông thường, cần những giấy tờ như:** Giấy chứng nhận số dư tiền gửi ngân hàng của người chi trả kinh phí (bản thân người có nguyện vọng du học hoặc người bảo lãnh), Giấy chứng nhận thu nhập của các năm trước, Giấy chứng nhận nộp thuế v.v..

3. Xin cấp Visa

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE), bạn sẽ làm thủ tục xin cấp Visa tại Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước bạn.

● Giấy tờ cần thiết

- ① Hộ chiếu (Passport)
- ② Đơn xin cấp Visa
- ③ Ảnh
- ④ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) ※ Có thể sử dụng bản sao
- ⑤ Giấy tờ khác

5. Thẻ cư trú

Thẻ cư trú (RESIDENCE CARD) được cấp cho người nước ngoài có thời gian lưu trú trên 3 tháng. Bạn luôn phải mang theo Thẻ cư trú bên người.

[Cấp Thẻ cư trú]

Trường hợp nhập cảnh ở sân bay New Chitose, Narita, Haneda, Chubu, Kansai, Hiroshima, Fukuoka:

Khi làm thủ tục nhập cảnh sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” vào hộ chiếu và được cấp Thẻ cư trú. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức ở Nhật, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang Thẻ cư trú đến trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân của địa phương đó.

Trường hợp nhập cảnh không phải từ các sân bay trên:

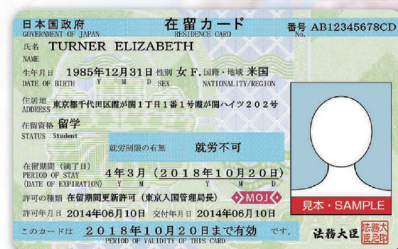
Khi nhập cảnh, sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” và được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” vào hộ chiếu. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang hộ chiếu đã được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” tới trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống. Sau khi trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân, thẻ cư trú sẽ được gửi bằng đường bưu điện cho bạn theo địa chỉ cư trú mà bạn đã đăng ký.

4. Nhập cảnh vào Nhật Bản

Khi nhập cảnh cần những giấy tờ sau:

● Giấy tờ cần thiết

- ① Hộ chiếu (Passport)
- ② Giấy phép do Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài cấp (Visa)
- ③ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) (Trường hợp đã được cấp) ※ Có thể sử dụng bản sao.



Thẻ cư trú

6. My Number (Mã số cá nhân)

My Number là mã số gồm 12 số được cấp cho tất cả cư dân khi đăng ký sinh sống tại Nhật. Mỗi người chỉ được cấp 1 mã và mã số này hoàn toàn khác mã số 12 số ghi trên Thẻ cư trú.

Khi đăng ký là cư dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống, bạn sẽ được gửi “Giấy thông báo Mã số cá nhân”. Giấy này không thể sử dụng làm giấy tờ chứng minh My Number hay thay thế cho Chứng minh nhân dân của bạn vì thế sau khi nhận Giấy thông báo Mã số cá nhân, bạn cần xin đổi sang thẻ My Number. Thẻ My Number có thể được sử dụng như giấy tờ tùy thân chính thống, chứng minh Mã số cá nhân của bạn. Thẻ My Number có thể xin đổi qua đường bưu điện hoặc Online, qua máy tính hoặc qua điện thoại... Khi bạn làm các thủ tục với chính quyền địa phương, làm thêm hoặc nhận tiền, chuyển tiền tại ngân hàng từ nước ngoài thì bắt buộc phải có thẻ My Number.



Thẻ My number

7. Thủ tục sang Nhật dự thi

Trường hợp đến Nhật để dự thi, trước khi sang Nhật, cần mang Phiếu dự thi của trường định dự thi đến Cơ quan ngoại giao của Nhật ở nước ngoài để xin cấp visa “Lưu trú ngắn hạn”. Thời gian có thể lưu trú là 15 ngày, 30 ngày hoặc 90 ngày. Tuy nhiên, đối với các nước thuộc đối tượng được miễn visa thì bạn không cần làm thủ tục xin cấp visa.

※ Về nguyên tắc, sau khi đỗ bạn vẫn bắt buộc phải về nước tạm thời để xin visa “Du học”.

8. Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú

Tư cách lưu trú “Du học” cho phép bạn đến Nhật để học tập chứ không phải làm việc. Tuy nhiên, khi bạn đi làm thủ tục và xin được “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” của Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương thì bạn có thể đi làm thêm. (Tham khảo trang 36).

※ Người nhập cảnh lần đầu, với tư cách lưu trú “Du học”, nếu thời gian lưu trú vượt quá 3 tháng, khi nhập cảnh, có thể xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” khi xin đóng dấu nhập cảnh tại sân bay.

※ Sau khi đến Nhật muốn xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” thì nộp đơn xin tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

9. Thủ tục về nước tạm thời

Du học sinh nếu muốn về nước một thời gian hoặc sang nước khác cần nhận được giấy phép tái nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương v.v. trước khi rời khỏi Nhật Bản.

Tuy nhiên, những người cư trú thời gian dài có hộ chiếu (passport) và thẻ cư trú còn hiệu lực, khi rời Nhật Bản và có ý định quay trở lại trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất cảnh về nguyên tắc không cần xin phép tái nhập cảnh (thời hạn lưu trú của người đó dưới 1 năm thì được phép tái nhập cảnh theo thời hạn lưu trú).

10. Gia hạn thời gian lưu trú

Nếu quá thời gian lưu trú được quy định khi nhập cảnh, trường hợp muốn tiếp tục ở lại Nhật Bản, phải xin phép gia hạn thời gian lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương (thông thường cần nộp đơn xin gia hạn trước khi hết hạn lưu trú khoảng 3 tháng). Nếu quá thời gian lưu trú sẽ bị coi là lưu trú bất hợp pháp và sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.



Nếu quên không gia hạn sẽ vi phạm luật lưu trú dẫn đến bị đuổi học hoặc không thể nhận được học bổng nữa.



Trước khi rời khỏi Nhật Bản, nhất định phải xuất trình Thẻ cư trú và đánh dấu vào cột được chỉ định trong thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.

外国人用 (再入国)		再入国記録 DISEMBARKATION CARD FOR RE-ENTRANT ②		再入国記録 EMBARKATION CARD FOR RE-ENTRANT ③	
		[ARRIVAL]		[DEPARTURE]	
氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name
生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth
航空券番号・船名 Flight No./Vessel	航空券番号・船名 Flight No./Vessel	航空券番号・船名 Flight No./Vessel	航空券番号・船名 Flight No./Vessel	航空券番号・船名 Flight No./Vessel	航空券番号・船名 Flight No./Vessel
以下の事項について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。 Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent residents, please put your signature only.)		以下の事項について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。 Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent residents, please put your signature only.)		以下の事項について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。 Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent residents, please put your signature only.)	
1 あなたは、日本国又は日本国以外の国において、刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか? Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?		1 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣銃器しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?		1. 一時的な出国であり、再入国する予定です。 I am leaving Japan temporarily and will return.	
☐ はい Yes ☐ いいえ No		☐ はい Yes ☐ いいえ No		☐ 1年以内 Within one year ☐ 1年を超え2年以内 Over one year but within two years ☐ 2年を超え Over two years	
2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣銃器しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?		2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣銃器しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?		2. 「再入国許可」の有効期限内に再入国の予定はありません。 I do not plan to re-enter Japan while my re-entry permit is valid.	
☐ はい Yes ☐ いいえ No		☐ はい Yes ☐ いいえ No		(地方入国管理官署で「再入国許可」を受けており、その有効期限内に再入国の予定のない方は、☑して下さい。 (Check the box if you do not plan to re-enter Japan while your re-entry permit, which you have obtained at a regional immigration bureau, is valid.)	
以上の記載内容は事実と相違ありません。 I hereby declare that the statement given above is true and accurate.		以上の記載内容は事実と相違ありません。 I hereby declare that the statement given above is true and accurate.		署名 Signature	
署名 Signature		署名 Signature		署名 Signature	
官印欄 Official Use Only		官印欄 Official Use Only		官印欄 Official Use Only	

Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.

11. Thay đổi tư cách lưu trú

Khi dừng hoạt động hiện tại (du học) và muốn tiến hành các hoạt động với tư cách lưu trú khác (ví dụ đi làm, v.v.), phải nhận được sự cho phép thay đổi tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.



Nếu tiến hành các công việc phát sinh thu nhập hoặc các hoạt động nhận được tiền công mà không có sự cho phép, sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

12. Tước bỏ tư cách lưu trú

Trường hợp người làm đơn khai báo giả các hoạt động, lý lịch hoặc làm giả giấy tờ v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú.



Mặc dù có tư cách lưu trú “Du học” nhưng không tiến hành các hoạt động tương ứng với tư cách lưu trú đó, ví dụ như không đi đến trường học v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú trừ trường hợp có lý do chính đáng.

13. Mời người thân sang Nhật

Vợ (chồng) hoặc con cái của du học sinh có tư cách lưu trú “Du học” và đang học tại trường Đại học v.v. có thể lưu trú tại Nhật với tư cách “lưu trú gia đình” tương ứng với thời gian lưu trú của du học sinh đó.

Bản thân du học sinh khi đã quen với cuộc sống bên Nhật và chuẩn bị sẵn sàng bao gồm cả mặt kinh tế hãy mời người thân sang Nhật.



Bạn cần đặc biệt lưu ý nếu người thân của bạn sang Nhật với visa “Lưu trú ngắn hạn (Temporary visitor)” (hay còn gọi là “Visa du lịch”) thì khó chuyển đổi sang tư cách lưu trú “Lưu trú gia đình (Dependent)”.

14. Thông báo/ Nộp đơn lên Tổng Cục quản lý xuất nhập cảnh & cư trú và cơ quan của chính quyền địa phương

Cần ngay lập tức thông báo/ nộp đơn trong những trường hợp dưới đây:

•Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương

Trường hợp thay đổi tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch hoặc chuyển sang khu vực khác, làm mất, làm bẩn Thẻ cư trú hoặc chuyển trường, học lên tiếp, tốt nghiệp, nghỉ học v.v.

•Cơ quan của chính quyền địa phương

Trường hợp thay đổi nơi ở hoặc về nước do kết thúc du học.

KINH PHÍ CẦN THIẾT KHI DU HỌC

Nếu tính toán chi tiết tổng số tiền cần thiết khi du học và lập kế hoạch tài chính rõ ràng bao gồm cả ngân sách cá nhân thì bạn sẽ có cuộc sống ổn định sau khi du học. Đừng chỉ phụ thuộc vào học bổng và tiền lương làm thêm, hãy thử cùng tính toán những kinh phí du học cần thiết để kiểm tra xem kế hoạch du học có khả thi hay không.

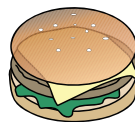
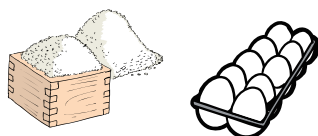
		Số tiền mục tiêu (Đại học Quốc lập hệ 4 năm)		Hãy tính toán số tiền bạn cần
Kinh phí cần thiết trước khi nộp hồ sơ	Lệ phí thi của các kỳ thi như EJU, JLPT, TOEFL® v.v.	38,000 Yên	Trường hợp dự thi EJU 2 lần (2 môn trở lên) trong nước Nhật	Yên
	Phí xét tuyển của trường mà bạn có nguyện vọng du học	17,000 Yên	Trường hợp nộp hồ sơ vào 1 trường Đại học Quốc lập	Yên
	Phí khám sức khỏe (tùy từng trường)	6,000 Yên	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
	Phí gửi hồ sơ (tùy từng trường)	2,000 Yên	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
Kinh phí để tham dự các kỳ thi đầu vào	Vé máy bay và phí lưu trú (trường hợp không được phép nhập học trước khi sang Nhật)	100,000 Yên	Khác nhau tùy theo từng quốc gia và lịch trình lưu trú	Yên
	Phí làm Passport (Hộ chiếu)	12,000 Yên	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
	Phí xin Visa	3,000 Yên	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
Kinh phí cần thiết sau khi quyết định nhập học	Vé máy bay	70,000 Yên	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
	Phí lưu trú (phí trọ khách sạn cho tới khi quyết định được chỗ ở chính thức)	30,000 Yên	Khác nhau tùy theo lịch trình lưu trú	Yên
	Phí nhập học	282,000 Yên	Đại học Quốc lập (có một số trường hợp ngoại lệ)	Yên
	Học phí năm đầu tiên	535,800 Yên	Đại học Quốc lập (có một số trường hợp ngoại lệ)	Yên
	Chi phí đi lại để đến trường	48,000 Yên	Tổng số tiền trong 12 tháng dựa theo “Điều tra tình hình sinh hoạt thực tế của du học sinh tư phí nước ngoài năm 2023”	Yên
	Tiền ăn	384,000 Yên		Yên
	Tiền trọ	492,000 Yên		Yên
	Tiền điện và nhiên liệu (điện, ga, nước)	96,000 Yên		Yên
	Bảo hiểm, chi phí y tế	36,000 Yên		Yên
	Sở thích cá nhân, giải trí	96,000 Yên		Yên
	Tiêu vật	108,000 Yên		Yên
	Tổng cộng	2,355,800 Yên		Yên

CHI PHÍ SINH HOẠT, GIÁ CẢ

1. Tiền tệ và giá cả

Giá cả của các hàng hóa thiết yếu

Gạo (5kg)	2,650 Yên	(16.8USD)
Bánh mì (1kg)	511 Yên	(3.2 USD)
Sữa (1,000 ml)	253 Yên	(1.6 USD)
Trứng gà (10 quả)	264 Yên	(1.7 USD)
Táo (1kg)	1,039 Yên	(6.6 USD)
Bắp cải (1kg)	178 Yên	(1.1 USD)



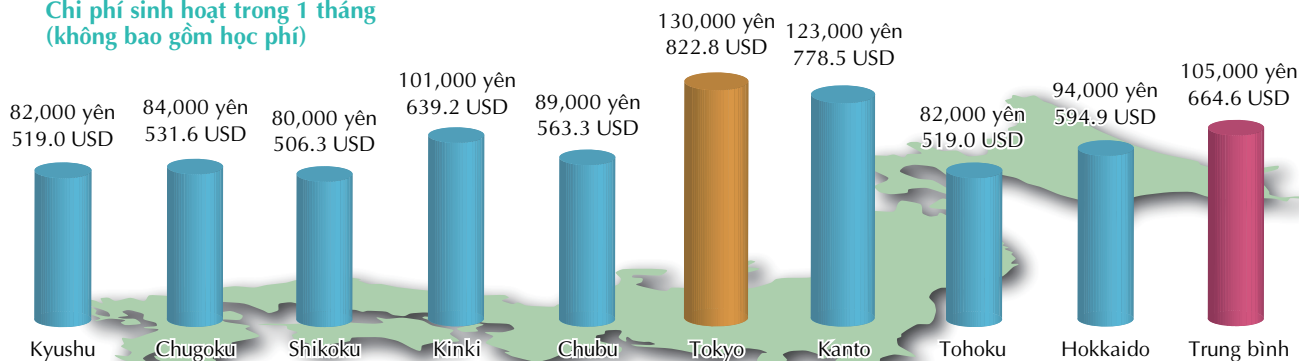
Nước uống có ga (chai 1 lít)	236 Yên	(1.5 USD)
Hamburger	233 Yên	(1.5 USD)
Xăng (1ℓ)	176 Yên	(1.1 USD)
Giấy vệ sinh (1000m)	799 Yên	(5.1 USD)
Cắt tóc	3,737 Yên	(23.7 USD)
Taxi (4km)	1,693 Yên	(10.7 USD)

Nguồn: "Thông tin tổng hợp Cục thống kê Chính phủ"
1USD = 158 yên

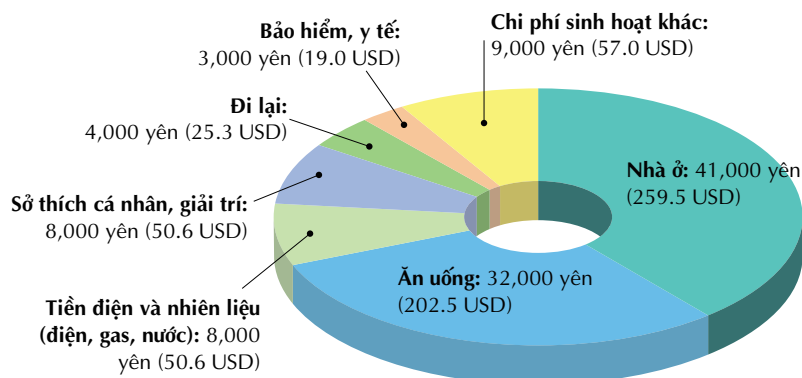
2. Chi phí sinh hoạt

Chi phí sinh hoạt trong 1 tháng (không bao gồm học phí) của một du học sinh nước ngoài được liệt kê như biểu đồ dưới đây. Chi phí sinh hoạt ở các thành phố lớn cao hơn so với các tỉnh lẻ.

Chi phí sinh hoạt trong 1 tháng (không bao gồm học phí)



Chi tiết các khoản chi tiêu trong 1 tháng (không bao gồm học phí) (Bình quân cả nước)



Chi phí nhà ở trung bình phân theo vùng

※1USD = 158 yên

	Yên	USD
Trung bình cả nước	41,000	259.5
Hokkaido	34,000	215.2
Tohoku	26,000	164.6
Kanto	51,000	322.8
Tokyo	57,000	360.8
Chubu	30,000	189.9
Kinki	40,000	253.2
Chugoku	26,000	164.6
Shikoku	27,000	170.9
Kyushu	29,000	183.5

Nguồn: Điều tra về tình hình sinh hoạt của du học sinh từ phí nước ngoài năm 2023 (JASSO)

HỌC PHÍ

Học phí các trường Đại học của Nhật không cao so với các nước như Mỹ hay Anh. Tổng số tiền nhập học và học phí trong 1 năm của trường **Đại học Quốc lập là 820,000 JPY (5,200 USD)****, **Đại học Công lập là 910,000 JPY (5800 USD) và Đại học Tư lập từ 1,140,000 JPY (7200 USD) đến 1,640,000 JPY (10,400 USD) (trừ ngành Y khoa, Nha khoa và Dược)**. Ngoài ra, **so với các nước khác, chế độ học bổng, chế độ miễn hoặc miễn giảm học phí cũng nhiều hơn**.

Chi phí nộp cho trường năm đầu bao gồm phí nhập học, học phí, tiền trang thiết bị, cơ sở vật chất v.v. Ngoài ra, phí nhập học chỉ cần đóng trong năm đầu.

※Có ngoại lệ đối với 1 số trường Đại học Quốc lập.

Học phí trung bình của năm đầu (1 USD = 158 JPY)

● Sau đại học

Sau đại học		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※1	
		Yên	Yên	Yên	USD	Yên	USD
Quốc lập (chương trình thạc sĩ)		282,000	535,800	817,800	5,176	1,353,600	8,567
Công lập (chương trình thạc sĩ)		364,864	536,789	901,653	5,707	1,438,442	9,104
Tư lập (Khóa học Thạc sĩ)	Nghệ thuật	224,531	1,215,974	1,440,505	9,117	2,656,479	16,813
	Kỹ thuật	200,251	971,940	1,172,191	7,419	2,144,131	13,570
	Sức khỏe	229,022	836,175	1,065,197	6,742	1,901,372	12,034
	Khoa học tự nhiên	195,731	888,895	1,084,626	6,865	1,973,521	12,491
	Nông nghiệp, Thú y	212,466	808,128	1,020,594	6,459	1,828,722	11,574
	Dược học	195,545	831,007	1,026,552	6,497	1,857,559	11,757
	Kinh tế gia đình	225,459	727,851	953,310	6,034	1,681,161	10,640
	Giáo dục	206,152	711,706	917,858	5,809	1,629,564	10,314
	Khoa học xã hội	197,938	878,368	1,076,306	6,812	1,954,674	12,371
	Y học	186,326	676,568	862,894	5,461	1,539,462	9,743
Khoa học nhân văn		196,450	650,254	846,704	5,359	1,496,958	9,474
Quốc lập (chương trình Tiến sĩ)		282,000	535,800	817,800	5,176	1,889,400	11,958
Công lập (chương trình Tiến sĩ)		364,864	536,789	901,653	5,707	1,975,231	12,501
Tư lập (Khóa học Tiến sĩ)	Nghệ thuật	247,241	1,112,056	1,359,297	8,603	3,583,409	22,680
	Kỹ thuật	182,994	774,368	957,362	6,059	2,506,098	15,861
	Sức khỏe	238,450	796,220	1,034,670	6,549	2,627,110	16,627
	Khoa học tự nhiên	199,209	750,809	950,018	6,013	2,451,636	15,517
	Nông nghiệp, Thú y	212,376	811,982	1,024,358	6,483	2,648,322	16,762
	Dược học	187,239	683,492	870,731	5,511	2,237,715	14,163
	Kinh tế gia đình	213,434	721,730	935,164	5,919	2,378,624	15,055
	Giáo dục	216,720	632,590	849,310	5,375	2,114,490	13,383
	Khoa học xã hội	193,934	611,798	805,732	5,100	2,029,328	12,844
	Y học	168,127	531,026	699,153	4,425	1,761,205	11,147
	Nha khoa	232,075	669,670	901,745	5,707	2,241,085	14,184
	Khoa học nhân văn	196,341	575,525	771,866	4,885	1,922,916	12,170

※1 Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp

Khóa học Thạc sĩ bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm; Khóa học Tiến sĩ bao gồm phí nhập học và học phí 3 năm.

Ngoài các chi phí trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu v.v..

● Đại học (Khoa)

Đại học (Khoa)		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※2	
		Yên	Yên	Yên	USD	Yên	USD
Quốc lập		282,000	535,800	817,800	5,176	2,425,200	15,349
Công lập		374,371	536,191	910,562	5,763	2,519,135	15,944
Tư lập	Y Khoa	1,360,098	3,719,336	5,079,434	32,148	23,676,114	149,849
	Nha khoa	594,849	3,786,859	4,381,708	27,732	23,316,003	147,570
	Dược	332,681	1,743,389	2,076,070	13,140	10,793,015	68,310
	Nghệ thuật	239,945	1,401,501	1,641,446	10,389	5,845,949	37,000
	Sức khỏe	262,142	1,239,657	1,501,799	9,505	5,220,770	33,043
	Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật	223,534	1,257,556	1,481,090	9,374	5,253,758	33,252
	Nông nghiệp, Thú y	250,752	1,233,014	1,483,766	9,391	5,182,808	32,803
	Thể dục	240,072	1,065,553	1,305,625	8,263	4,502,284	28,495
	Kinh tế gia đình	240,020	1,017,093	1,257,113	7,956	4,308,392	27,268
	Văn học, Giáo dục	223,686	987,335	1,211,021	7,665	4,173,026	26,412
	Phúc lợi xã hội	218,549	963,816	1,182,365	7,483	4,073,813	25,784
	Luật, Thương mại, Kinh tế	224,364	960,039	1,184,403	7,496	4,064,520	25,725
	Thần học, Phật Giáo	220,745	923,350	1,144,095	7,241	3,914,145	24,773

※2 Y khoa, Nha khoa, Dược hệ Tư lập bao gồm phí nhập học và học phí 6 năm; các ngành khác bao gồm phí nhập học và học phí 4 năm.

Ngoài các chi phí trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu v.v.

● Cao đẳng

Cao đẳng		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※3	
		Yên	Yên	Yên	USD	Yên	USD
Tư lập	Công lập	225,050	377,357	602,407	3,813	979,764	6,201
	Khoa học nhân văn	229,898	879,861	1,109,759	7,024	1,989,620	12,593
	Khoa học xã hội	225,124	884,953	1,110,077	7,026	1,995,030	12,627
	Khoa học tự nhiên, Nông nghiệp	207,714	937,000	1,144,714	7,245	2,081,714	13,175
	Kỹ thuật	215,527	1,056,728	1,272,255	8,052	2,328,983	14,740
	Giáo dục, Mầm non	242,064	857,759	1,099,823	6,961	1,957,582	12,390
	Kinh tế gia đình	243,106	886,843	1,129,949	7,152	2,016,792	12,765
	Nghệ thuật	233,376	1,148,037	1,381,413	8,743	2,529,450	16,009
	Thể dục	230,000	980,000	1,210,000	7,658	2,190,000	13,861
	Khác	227,091	896,639	1,123,730	7,112	2,020,369	12,787

※3 Bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm.

Ngoài các chi phí trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu v.v.

● Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí ※4	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※5	
	Yên	Yên	Yên	USD	Yên	USD
Quốc lập	84,600	234,600	319,200	2,020	788,400	4,990

※4 KOSEN năm thứ 3 nếu thỏa mãn điều kiện sẽ được nhận “Học bổng hỗ trợ THPT”.

※5 Bao gồm phí nhập học và học phí 3 năm

● Trường dạy nghề

Trường dạy nghề		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※6	
		Yên	Yên	Yên	USD	Yên	USD
Tư lập	Công nghiệp	209,000	1,104,000	1,313,000	8,310	2,417,000	15,297
	Nông nghiệp	163,000	982,000	1,145,000	7,247	2,127,000	13,462
	Y tế	269,000	1,244,000	1,513,000	9,576	2,757,000	17,449
	Vệ sinh	150,000	1,331,000	1,481,000	9,373	2,812,000	17,797
	Giáo dục, Phúc lợi xã hội	149,000	1,037,000	1,186,000	7,506	2,223,000	14,070
	Thương mại	126,000	1,045,000	1,171,000	7,411	2,216,000	14,025
	Máy mặc, Kinh tế gia đình	199,000	960,000	1,159,000	7,335	2,119,000	13,411
	Văn hóa, Giáo dục	152,000	1,064,000	1,216,000	7,696	2,280,000	14,430

※6 Bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm. Ngoài các chi phí trên, có trường hợp sẽ cần đóng phí cơ sở vật chất, phí nghiên cứu v.v.

※Học phí và phí nhập học là số tiền trung bình của các khoa tương ứng với từng chuyên ngành (học ban ngày)

● Cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Trường Tiếng Nhật	Học phí	
	Yên	USD
Khóa 1 năm	614,800 ~ 1,113,300	3,891 ~ 7,046
Khóa 1.5 năm	879,200 ~ 1,597,000	5,565 ~ 10,108
Khóa 2 năm	1,141,600 ~ 1,910,200	7,225 ~ 12,090

※Phí tài liệu tính riêng Nguồn: Điều tra của Hiệp hội Xúc tiến Giáo dục tiếng Nhật

● Học phí và các chi phí của trường Đại học tại Mỹ

		1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※7	
		Yên	USD	Yên	USD
Mỹ	Sau đại học công lập (học phí và các chi phí)	1,960,780	12,410	3,921,560	24,820
	Sau đại học tư lập (học phí và các chi phí)	4,202,326	26,597	8,404,652	53,194
	Đại học công lập hệ 4 năm (Học phí)	4,605,700	29,150	18,422,800	116,600
	Đại học tư lập hệ 4 năm (Học phí)	6,563,320	41,540	26,253,280	166,160

※7 Khóa Sau đại học bao gồm học phí 2 năm, khóa Đại học bao gồm học phí 4 năm.

※ 1 USD = 158 JPY

Nguồn: Hướng dẫn du học Mỹ 2025 (Công ty Keibun)

● Học phí và các chi phí của trường Đại học tại Anh

		1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※8	
		Yên	Pound	Yên	Pound
Anh	Sau đại học khối Nghệ thuật, Nhân văn	3,104,000 ~ 5,238,000	£16,000 ~ 27,000	6,208,000 ~ 10,476,000	£32,000 ~ 54,000
	Sau đại học khối Tự nhiên	3,298,000 ~ 5,820,000	£17,000 ~ 30,000	6,596,000 ~ 11,640,000	£34,000 ~ 60,000
	Đại học khối xã hội	3,104,000 ~ 5,238,000	£16,000 ~ 27,000	9,312,000 ~ 15,714,000	£48,000 ~ 81,000
	Đại học khối tự nhiên	3,298,000 ~ 5,820,000	£17,000 ~ 30,000	9,894,000 ~ 17,460,000	£51,000 ~ 90,000

※8 Khóa Sau đại học bao gồm học phí 2 năm, khóa Đại học bao gồm học phí 3 năm.

1 Pound = 194 JPY

Nguồn: Hướng dẫn du học Vương quốc Anh 2025 (Công ty Keibun)

HỌC BỔNG

Có ít học bổng chi trả toàn bộ chi phí cần thiết khi du học, phần nhiều học bổng chỉ chi trả một phần chi phí sinh hoạt hoặc học phí. Do đó, hãy tính toán cụ thể toàn bộ các khoản kinh phí cần thiết cho du học và lập kế hoạch tài chính rõ ràng, bao gồm cả ngân sách cá nhân, đừng chỉ dựa vào học bổng.

Cùng tìm hiểu các loại học bổng

1. Học bổng của Chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ - MEXT)

Đây là học bổng sử dụng ngân sách quốc gia tiếp nhận Du học sinh được Chính phủ Nhật Bản (MEXT) triển khai từ năm 1954.

Việc xét tuyển được thực hiện bởi Bộ Ngoại giao (Đại sứ quán/Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước ngoài) hoặc các trường Đại học Nhật Bản.

2. Học bổng của Tổ chức Hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản (JASSO)

Tổ chức JASSO hiện đang cấp hai loại học bổng cho Du học sinh, bao gồm: học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học công nghệ và Học bổng hỗ trợ du học sinh theo hiệp định giao lưu.

3. Học bổng của chính quyền địa phương và các tổ chức giao lưu quốc tế liên quan

Đây là các học bổng được cấp bởi chính quyền địa phương và các tổ chức giao lưu quốc tế tại Nhật Bản dành cho những người đang sinh sống trong khu vực hoặc đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc địa phương đó.

4. Học bổng của các tổ chức tư nhân

Đây là các học bổng được cấp bởi các công ty tư nhân hoặc tổ chức học bổng tư nhân.

Tùy theo mục tiêu và đặc điểm hoạt động của từng công ty hoặc tổ chức, học bổng sẽ có các tiêu chí giới hạn như chỉ dành sinh viên học tại trường trong khu vực; chỉ áp dụng cho một số chuyên ngành liên quan đến doanh nghiệp; chỉ dành cho các sinh viên từ những quốc gia/khu vực cụ thể là đối tượng giao lưu mục tiêu.

5. Học bổng ứng tuyển trước khi sang Nhật Bản

Phần lớn học bổng đều cần đăng ký sau khi đến Nhật Bản, tuy nhiên vẫn có một số học bổng từ chính quyền địa phương, tổ chức giao lưu quốc tế hoặc tổ chức học bổng tư nhân cho phép nộp hồ sơ ngay từ nước sở tại.



Ngoài học bổng, một số trường còn có chế độ miễn giảm học phí (30%, 50% hoặc 100% học phí tùy trường).

Hãy xác nhận bậc học được cấp học bổng và số lượng tổ chức cấp học bổng!

	Đối tượng	Ứng tuyển trước khi sang Nhật		Ứng tuyển sau khi sang Nhật
		Chính phủ Nhật Bản	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân
1	Sinh viên Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	○	2	21
2	Sinh viên khóa chuyển môn Trường dạy nghề	○	5	19
3	Sinh viên khóa Bekka của các trường Cao đẳng, Đại học		0	4
4	Sinh viên của cơ sở giáo dục tiếng Nhật ngoài mục 3		1	9
5	Sinh viên Cao đẳng		4	35
6	Sinh viên dự thính ở trường Đại học		0	3
7	Sinh viên Đại học	○ Học tập về tiếng Nhật và văn hóa Nhật	11	94
8	Nghiên cứu sinh Sau đại học	○ Đào tạo giáo viên	4	15
9	Thạc sĩ	○ YLP	15	117
10	Tiến sĩ	○	12	111
11	Sinh viên khóa chuyển môn (nghề)	○	1	13

Nguồn: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

Hãy xác nhận điều kiện ứng tuyển!

① Tuổi tác ② Quốc gia, khu vực xuất thân ③ Trường đang theo học tại Nhật ④ Có yêu cầu về lĩnh vực chuyên môn v.v.



Một số loại học bổng dành cho Du học sinh khi đăng ký yêu cầu phải có tư cách lưu trú là “Du học”

Kỳ thi tuyển chọn

Hầu hết sẽ đánh giá hồ sơ, nhưng cũng có trường hợp phỏng vấn hoặc tổ chức kỳ thi viết đánh giá năng lực ngôn ngữ hoặc những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn.

Phương thức nộp hồ sơ

Hầu hết đều nộp hồ sơ thông qua trường đang theo học. (Cụ thể hãy xác nhận với người phụ trách du học sinh của trường)

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng tổ chức cấp học bổng	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng Chính phủ (Học bổng Mongbukagakusho) ※1	Du học sinh chương trình Lãnh đạo trẻ (YLP)	242,000	1,532	Cơ quan ngoại giao của Nhật ở các nước, trường hiện đang theo học ※2
	Du học sinh nghiên cứu (Không chính quy)	143,000	905	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Thạc sĩ)	144,000	911	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Tiến sĩ)	145,000	918	
	Du học sinh ngành giáo dục	143,000	905	
	Du học trường Đại học (khoa)/ Du học sinh Trường kỹ thuật chuyên nghiệp/ Du học sinh Trường dạy nghề/ Du học sinh tiếng Nhật, nghiên cứu văn hóa Nhật	117,000	741	
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Đây là học bổng dành cho du học sinh từ nước ngoài đạt thành tích xuất sắc trong Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) và nhập học với tư cách sinh viên chính quy vào các trường Đại học (khoa), Cao đẳng, Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở lên) hoặc Khóa chuyên ngành Trường dạy nghề của Nhật Bản.	48,000	304	Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản JASSO ※3
Học bổng của Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	15 tổ chức	60,000~210,000	380 ~ 1,329	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân v.v. ※4
Học bổng riêng của từng trường, chế độ miễn, giảm học phí	—	—	—	Trường dự định sẽ vào học

※1 Số tiền học bổng tăng thêm tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu
 ※2 Ở một số nước, cơ quan Chính phủ của quốc gia đó trở thành đầu mối học bổng chính phủ Nhật Bản.
 ※3 https://www.jasso.go.jp/ryugaku/scholarship_j/shoreihi/yoyaku_eju/index.html
 ※4 Hãy xác nhận với các tổ chức/đơn vị cấp học bổng trước khi sang Nhật có kết quả hay không



1 USD=158 JPY

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật (Học bổng theo hiệp định giao lưu giữa các trường Đại học v.v.)

Loại	Đối tượng hoặc số lượng tổ chức cấp học bổng	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng hỗ trợ du học sinh nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định)	Du học sinh nước ngoài có thời gian du học từ 8 ngày tới 1 năm theo hiệp định giao lưu giữa các trường Đại học.	80,000	506	Trường đang theo học

Học bổng ứng tuyển sau khi đến Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng tổ chức cấp học bổng	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Sau đại học (Khóa học Thạc sĩ, Khóa học Tiến sĩ)/ Nghiên cứu sinh (Sau đại học)/ Đại học (Khoa)/ Cao đẳng/ Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (năm 3 trở lên)/ Khóa chuyên môn Trường dạy nghề/ Khóa tiếng Nhật Bekka dành cho du học sinh/ Khoa chuyên ngành/ Khóa đào tạo dự bị	48,000	304	Trường đang theo học tại nước Nhật
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật	30,000	190	
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	109 tổ chức	8,000~300,000	51~1,899	Trường đang theo học tại nước Nhật hoặc tổ chức cấp học bổng
Học bổng của trường, chế độ miễn, giảm học phí	—	—	—	Trường đang theo học tại nước Nhật

Hãy tìm thông tin về học bổng, chế độ miễn giảm

“Quyển học bổng du học Nhật Bản” (Bản tiếng Nhật, tiếng Anh)
<https://www.studyinJapan.go.jp/ja/planning/brochures/#002>

Tác giả: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)



Có thể tra cứu thông tin học bổng từ trang web sau:

Tìm kiếm các trường Đại học có chế độ học bổng, miễn giảm học phí (Trang Thông tin Du học Nhật Bản)
https://www.studyinJapan.go.jp/ja/search-for-scholarships/tuition-reduction_search.php



Tra cứu thông tin học bổng (JAPAN STUDY SUPPORT)
<https://www.jpss.jp/ja/scholarship/>



Có một số học bổng chưa được tổng hợp trong quyển này, chi tiết về học bổng hãy hỏi Trường của bạn.

NHÀ Ở

Chính quyền địa phương và trường học cũng có ký túc xá dành cho sinh viên nhưng **khoảng 70%** du học sinh sẽ thuê trọ nhà dân hoặc ở các căn hộ cho thuê. Sau khi nhận được giấy báo nhập học hãy lập tức thu thập thông tin về nhà ở. Cách thu thập thông tin như sau: ① Bộ phận phụ trách du học sinh của trường ② Internet, báo chí ③ Các công ty bất động sản v.v. ở nơi mình muốn sống.

Ký túc xá

Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí so với căn hộ cho thuê (Không mất tiền cọc, tiền lễ, tiền gia hạn)
- Một số trường hợp được trang bị sẵn nội thất, đồ gia dụng v.v.
- Dễ dàng kết bạn

Nhược điểm

- Số lượng phòng có hạn nên không phải ai muốn cũng có thể ở ký túc xá
- Có quy định về giờ đóng cửa hoặc giờ thức giấc
- Dùng chung nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm



Lời khuyên

Tiền nhà hàng tháng

Căn hộ cho thuê: Tiền thuê chênh nhau khá lớn phụ thuộc vào sự thuận tiện của nhà ga, khoảng cách từ các nhà ga và số năm xây dựng của căn hộ v.v. Ở các khu vực tỉnh lẻ có thể tìm được căn hộ với giá từ 30,000 ~ 40,000 JPY, nhưng ở Tokyo giá nằm trong khoảng 60,000 JPY.

Tiếng ồn

Tại Nhật Bản, khoảng cách giữa các phòng rất gần nên cần chú ý không gây ra tiếng động lớn trong phòng để không làm phiền đến hàng xóm, đặc biệt là vào ban đêm.

Vứt rác

Ở Nhật quy định về vứt rác rất nghiêm ngặt, nếu không tuân thủ sẽ gặp rắc rối với hàng xóm. Hãy phân loại rác và vứt vào địa điểm, thời gian quy định.



Căn hộ cho thuê

Ưu điểm

- Có thể sinh hoạt theo cách mình thích
- Nhận thức được giá trị của đồng tiền

Nhược điểm

- Phải trả trước tiền đặt cọc (vài tháng tiền nhà, cũng có nhiều nơi gọi là tiền bảo đảm), tiền lễ, chi phí giới thiệu v.v.
- Thủ tục ký kết hợp đồng thuê nhà phức tạp
- Phải tự mua sắm đồ nội thất, thiết bị điện gia dụng

Người bảo lãnh liên đới

Ở Nhật, thông thường khi thuê nhà cần có “người bảo lãnh liên đới”. Nếu bạn không trả tiền nhà đúng hạn, làm hỏng các thiết bị trong phòng nhưng không đền tiền sửa chữa v.v. chủ nhà sẽ yêu cầu “người bảo lãnh liên đới” trả. Vì du học sinh có ít người quen bên Nhật nên có cơ chế chấp nhận người bảo lãnh liên đới là những người làm trong trường học (cơ quan, giảng viên, nhân viên). Ngoài ra, cũng có trường hợp không cần “người bảo lãnh liên đới” tùy thuộc vào hợp đồng trả “phí bảo lãnh”.

※ Đền bù thiệt hại về nhà ở cho du học sinh

Là chế độ được quản lý bởi Hiệp hội hỗ trợ Giáo dục Quốc tế Nhật Bản – Pháp nhân tổ chức lợi ích công, nhằm chuẩn bị ứng phó cho trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn mà không làm phiền tới người bảo lãnh khi du học sinh vào ở. Hãy hỏi trường nơi bạn dự định nhập học hoặc đang theo học xem có thể sử dụng chế độ này hay không.

ĐIỂM QUAN TRỌNG KHI TÌM NHÀ

- ① TIỀN NHÀ, CHI PHÍ BAN ĐẦU?
- ② KHOẢNG CÁCH VÀ THỜI GIAN TỪ NHÀ TỚI TRƯỜNG?
- ③ DIỆN TÍCH PHÒNG, CÁC TRANG THIẾT BỊ?
- ④ SỰ TIỆN LỢI CỦA MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH (GẦN NHÀ GA, MUA SẮM DỄ DÀNG KHÔNG V.V.)?

BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THIẾT HẠI, BẢO HIỂM KYOSAI

Bảo hiểm y tế (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân)

Nhật Bản có chế độ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng về chi phí y tế.

Người nước ngoài lưu trú ở Nhật trên 3 tháng phải tham gia “Bảo hiểm sức khỏe quốc dân” .

※ Du học sinh lưu trú dưới 3 tháng hãy hỏi trường mình định theo học.

■ Để tham gia bảo hiểm

Tiến hành thủ tục sau khi đăng ký công dân tại Cơ quan chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống.

■ Phí bảo hiểm

Thông thường khoảng 20,000 JPY/1 năm. Tuy nhiên, tùy theo từng khu vực cũng như thu nhập của bạn mức phí sẽ khác nhau. Đối với sinh viên, cũng có những khu vực có chế độ giảm hoặc hỗ trợ phí bảo hiểm, bạn nên hỏi thật kỹ.

■ Nội dung bảo hiểm

Khi bị thương hoặc ốm đau, nếu xuất trình thẻ bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm nhà nước sẽ chi trả 70% tổng chi phí điều trị và 30% chi phí còn lại sẽ do cá nhân tự trả. Tuy nhiên, các chi phí y tế ngoài phạm vi áp dụng của bảo hiểm sẽ do cá nhân chi trả toàn bộ.

Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân, nếu phí điều trị 1 tháng cao vượt quá giới hạn tối đa cá nhân chi trả thì sẽ được coi là chi phí y tế ở mức cao, và được hoàn trả lại sau đó. Ngoài ra, khi nhập viện, có thể chỉ cần trả số tiền trong phạm vi giới hạn tối đa tại bệnh viện nếu trước đó bạn làm đơn và xin được “Giấy xác nhận số tiền thanh toán tối đa” .

Bảo hiểm thiệt hại, Bảo hiểm KYOSAI

Du học sinh có thể tham gia Bảo hiểm thương tật và Bảo hiểm bồi thường cá nhân - hình thức bảo hiểm bồi thường thiệt hại liên quan tới tai nạn v.v. mà Bảo hiểm sức khỏe quốc dân không áp dụng.

Ví dụ, du học sinh được bồi thường trong những trường hợp dưới đây:

- Phải dán lại tường do dầu mỡ khi rán bắn lên hoặc nhà bếp bị ám đen.
- Đi xe đạp va chạm với người đi bộ gây thương tích phải chi trả phí điều trị cho người bị hại
- Bị mất trộm máy tính, máy ảnh để trong phòng khi vắng nhà

Hãy thử thảo luận với nhà trường vì có rất nhiều hướng dẫn về các loại bảo hiểm.



“Bảo hiểm tai nạn, thương tật, thiên tai trong khi nghiên cứu, học tập dành cho sinh viên” (Gakkensai)

Là chế độ bảo hiểm của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản – Pháp nhân tổ chức lợi ích công, mà có đến 96% các trường Đại học đang tham gia. Bên cạnh đó cũng có chế độ “Inbound Futai Gakuso” bồi thường đầy đủ thiệt hại.

※ Có những trường không thể sử dụng bảo hiểm này vì vậy hãy thử xác nhận với trường.

<https://www.jees.or.jp/gakkensai/>



“Bảo hiểm tương hỗ toàn diện của Hiệp hội sinh viên” (Bảo hiểm KYOSAI)

Có chế độ bảo hiểm tương hỗ toàn diện dành cho sinh viên của Hiệp hội sinh viên mà khi đang đi học có thể tham gia.

<https://kyosai.univcoop.or.jp/english/index.html>



LÀM THÊM

Khoảng 65% du học sinh tự phí đi làm thêm, khoản tiền trung bình nhận được 1 tháng là **81,000 JPY (513 USD)**. Không thể chi trả toàn bộ học phí và sinh hoạt phí chỉ bằng tiền



Khi làm thêm phải tuân thủ các điều kiện dưới đây.
Nếu không tuân thủ sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

1. Nhận “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương gần nhất v.v. Những người có tư cách lưu trú “Du học” thời hạn trên 3 tháng khi nhập cảnh lần đầu tiên vào Nhật Bản có thể nộp đơn xin cấp Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú tại sân bay v.v. khi nhập cảnh.
2. Không làm ảnh hưởng tới việc học.
3. Làm thêm với mục đích bổ sung thêm chi phí cần thiết cho việc học và sinh hoạt tại Nhật Bản, không với mục đích tiết kiệm hoặc kiếm tiền gửi về nước.
4. Không làm công việc kinh doanh giải trí dành cho người lớn. ※Những việc bị pháp luật cấm.
5. **Số giờ làm thêm không quá 28 tiếng trong 1 tuần (trong thời gian nghỉ lễ dài có thể làm 8 tiếng 1 ngày).**
6. Làm thêm trong thời gian đang theo học tại các cơ sở giáo dục.

Điểm quan trọng khi quyết định công việc làm thêm!

Không nằm ngoài mục đích du học, không làm quá sức ảnh hưởng tới sức khỏe!

- ◎ **Có ảnh hưởng đến kết quả học tập không?**
Có ảnh hưởng tới ngày hôm sau do làm thêm đến tối muộn hoặc làm thêm trong thời gian dài không?
- ◎ **Tiền công, cách trả tiền công**
Trả bằng tiền mặt hay chuyển khoản ngân hàng trả tiền công theo ngày, theo tuần hay theo tháng?
- ◎ **Nội dung công việc có an toàn không?**
Có phải công việc nguy hiểm không, có bảo hộ trong quá trình làm việc không?
Hãy hỏi trường đang theo học về việc giới thiệu việc làm thêm.



Lời khuyên

Hàng năm đều có du học sinh do làm thêm mà lơ là việc học, không đủ điểm chuyên cần dẫn đến không xin gia hạn được visa và phải về nước. Mọi người hãy hết sức lưu ý điều này.

<Loại công việc nhiều du học sinh làm thêm>

	Loại công việc	Tỷ lệ
1	Ẩm thực, dịch vụ ăn uống	39.2%
2	Kinh doanh, bán hàng	28.4%
3	Lắp ráp tại nhà máy	6%
4	Trợ giảng, trợ lý nghiên cứu	5.6%
5	Lễ tân khách sạn, bồi bàn	4.2%
6	Giáo viên ngôn ngữ/ Vệ sinh	3.4%
7	Hành chính, văn phòng	3.1%
8	Kho vận/ Biên, phiên dịch	2.9%

Nguồn: “Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2023” (JASSO)

Tiền lương theo giờ

Tiền lương theo giờ	Tỷ lệ
Dưới 1,000 Yên	20.5%
1,000 ~ dưới 1,200 Yên	50.2%
1,200 ~ dưới 1,400 Yên	20.5%
1,400 ~ dưới 1,600 Yên	5.0%
Trên 1,600 Yên	3.6%
Không rõ	0.2%



Cảnh giác trước những công ty du học lừa đảo đã đăng thông tin sai sự thật nên mọi người hãy hết sức cẩn thận.

- Những năm gần đây, một số công ty tư vấn du học lừa đảo đã đăng thông tin sai sự thật nên mọi người hãy hết sức cẩn thận.
- “Tiền công 1 giờ làm thêm là 3,000 JPY (19 USD)” → ❌ **Tiền công theo giờ thông thường là 1300 JPY (8 USD)**
 - “Mặc dù đi học nhưng 1 tháng đi làm thêm vẫn kiếm được 200,000 ~ 300,000 JPY, có thể trả tiền học phí và sinh hoạt phí, ngoài ra còn có thể gửi tiền về nước” → ❌ **Không thể (Trung bình khoảng 81,000 JPY (513 USD))**

※ 1USD = 158 JPY

THỰC TẬP (INTERNSHIP)

Là chế độ cho sinh viên trải nghiệm công việc liên quan tới chuyên ngành, nghề nghiệp tương lai tại các doanh nghiệp v.v. khi còn đang theo học. Cũng có những trường coi đây là một môn học trong khóa đào tạo nhận được tín chỉ. Du học sinh cần xác nhận trực tiếp với trường xem có chế độ thực tập không và có công nhận tín chỉ không. Trường hợp nhận được lương khi thực tập, cần phải có “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” nên hãy hết sức lưu ý. Nếu muốn thực tập trên 28 tiếng 1 tuần cần làm đơn xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” tại Cục xuất nhập cảnh và cư trú địa phương v.v. dựa trên các tài liệu ghi rõ về nội dung thực tập.

■ Khác nhau giữa làm thêm và thực tập

Làm thêm: là hoạt động lao động nhận được tiền công bằng việc cung cấp sức lao động.

Thực tập: là hoạt động trải nghiệm làm việc để nhận được cơ hội việc làm và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp sau này v.v. Có nhiều trường hợp làm không có thù lao.

■ Cách tìm kiếm công việc thực tập

① Bộ phận phụ trách hoạt động tìm việc ở trường Đại học v.v.

Hãy thường xuyên xem bảng thông tin v.v. ở trường

② Trang hỗ trợ tìm việc

Tuyển nhiều thực tập sinh bất kể loại hình và nội dung công việc

③ Công ty tư vấn thực tập

Vì họ nắm rõ các doanh nghiệp tiếp nhận nên ít khi xảy ra việc không phù hợp giữa sinh viên và doanh nghiệp.

METI Japan Internship Program

(Đối tượng là sinh viên các trường Đại học nước ngoài, những người đã tốt nghiệp)

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đang thực hiện dự án thúc đẩy thực tập tại các Công ty tầm trung, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản dành cho đối tượng học sinh, sinh viên người nước ngoài.

Liên hệ: Technical Cooperation Division, Trade and Economic Cooperation Bureau, METI

TEL: (+81)3-3501-1937

■ Tư cách lưu trú của sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nhưng thực tập ở Nhật.

Sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nếu muốn nhập cảnh vào Nhật Bản để trải nghiệm làm việc theo hợp đồng hoặc cam kết với các doanh nghiệp Nhật như một phần của khóa đào tạo lấy tín chỉ của trường Đại học đó, sẽ có một trong các tư cách lưu trú như “hoạt động đặc biệt”, “hoạt động văn hóa” hoặc “lưu trú ngắn hạn” tùy vào thời gian lưu trú cũng như việc sinh viên có nhận lương thực tập hay không.

Trung tâm dịch vụ việc làm nước ngoài của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi

(Tokyo, Nagoya, Osaka, Fukuoka)

Cung cấp thông tin tuyển dụng, giới thiệu và tư vấn nghề nghiệp, tiếp nhận thực tập.

■ Liên hệ:

Tokyo:

<https://jsite.mhlw.go.jp/tokyo-foreigner/>



Nagoya:

<https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-foreigner/>



Osaka:

<https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/home.html>



Fukuoka:

https://jsite.mhlw.go.jp/fukuoka-roudoukyoku/hw/fuzoku_kikan/gaisen.html



LÀM VIỆC TẠI NHẬT BẢN

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp ở Nhật “muốn giữ chân nhân tài ưu tú bất kể quốc tịch”, “cần nhân sự thông thạo ngoại ngữ và am hiểu tình hình nước ngoài”, “muốn chủ động tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ đa dạng”, chính vì vậy việc tuyển dụng du học sinh người nước ngoài cũng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, tìm việc ở Nhật Bản đối với du học sinh không hề đơn giản. Dưới đây là trang web của JASSO có mục trao đổi kinh nghiệm tìm việc và đăng tải thông tin các sự kiện liên quan tới tìm việc, hãy nhanh chóng tiến hành các hoạt động tìm việc dựa trên những thông tin tham khảo đó.

Hướng dẫn tìm việc cho Du học sinh (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/after_study_j/job/guide.html

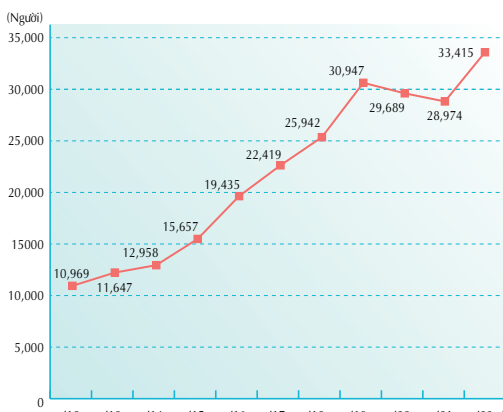
Japan Alumni Global Network (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/alumni/index.html

Cổng thông tin xúc tiến hoạt động nhân sự nước ngoài cao cấp “Open for Professionals”
<https://www.jetro.go.jp/hrportal>



Tình hình tuyển dụng Du học sinh tại Nhật Bản

Số người được cho phép chuyển đổi từ tư cách lưu trú “Du học” sang lao động

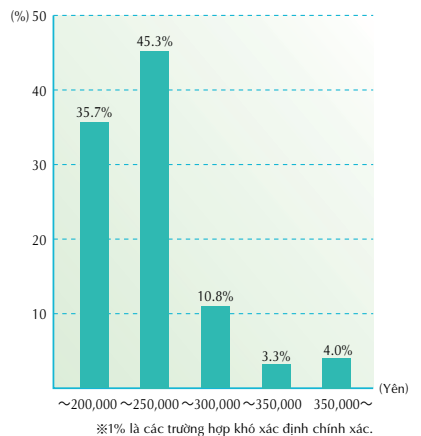


Tham khảo: “Tình hình lao động việc làm của các du học sinh ở các doanh nghiệp Nhật Bản năm 2022”
 (Tổng Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú, Bộ Tư pháp).

Tỷ lệ cơ cấu chia thành ngành nghề (10 ngành đứng đầu)

1	Biên, phiên dịch	16.1%
2	Công nghệ thông tin và Truyền thông	7.7%
3	Lập kế hoạch (Nghiên cứu/ Tiếp thị)	7.4%
4	Nghiệp vụ Quản lý (Ngoại trú Quản lý cấp cao...)	7.0%
5	Thương mại Quốc tế	6.4%
6	Kinh doanh pháp nhân	4.7%
7	Lập kế hoạch (Quảng cáo, Quan hệ công chúng)	4.4%
8	Hộ lý Điều dưỡng	3.7%
8	Nghiệp vụ kế toán	3.7%
8	Quản lý sản xuất	3.7%
8	Phát triển kỹ thuật	3.7%

Lương khởi điểm (lương tháng)



Chuyển đổi tư cách lưu trú

Du học sinh tìm việc tại Nhật Bản cần phải thay đổi tư cách lưu trú “Du học” sang tư cách lưu trú có thể làm việc như “Kỹ thuật - Kiến thức nhân văn - Nghiệp vụ quốc tế”.

Những điểm cần lưu ý liên quan đến tư cách lưu trú “Kỹ thuật - Kiến thức nhân văn - Nghiệp vụ quốc tế” xem ở bảng bên phải.

Trường hợp không tìm được việc

Cho dù không tìm được việc cho tới khi tốt nghiệp Đại học ※1 hoặc Trường dạy nghề ※2 cũng có thể tiếp tục hoạt động tìm việc trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp nếu tiến hành chuyển đổi tư cách lưu trú từ “Du học” sang “Hoạt động đặc biệt”. Thời gian lưu trú trong trường hợp này là 6 tháng và về nguyên tắc được gia hạn 1 lần. ※3 ※4

① Trình độ học vấn	Tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) của Nhật Bản hoặc ngoài Nhật Bản. Những người đã tốt nghiệp Trường dạy nghề và nhận được “Chứng chỉ chuyên môn”
② Nội dung công việc sẽ làm	Công việc sẽ làm phải đạt một số tiêu chuẩn nhất định dựa theo trình độ học vấn, ngoài ra, đối với người có chứng chỉ “Chuyên môn nghề” thì nội dung công việc có liên quan tới chuyên ngành hay không rất được coi trọng.
③ Thù lao	Bảo đảm thù lao bằng hoặc cao hơn người Nhật
④ Tình hình thực tế của doanh nghiệp	Nền tảng kinh doanh, thành tích kinh doanh của doanh nghiệp ổn định v.v..

※1 Bao gồm Cao đẳng và Sau đại học. Tuy nhiên, không bao gồm sinh viên Bekka, sinh viên dự thính, sinh viên tự do lựa chọn môn học và nghiên cứu sinh.

※2 Chỉ dành cho những người nhận được chứng chỉ chuyên môn.

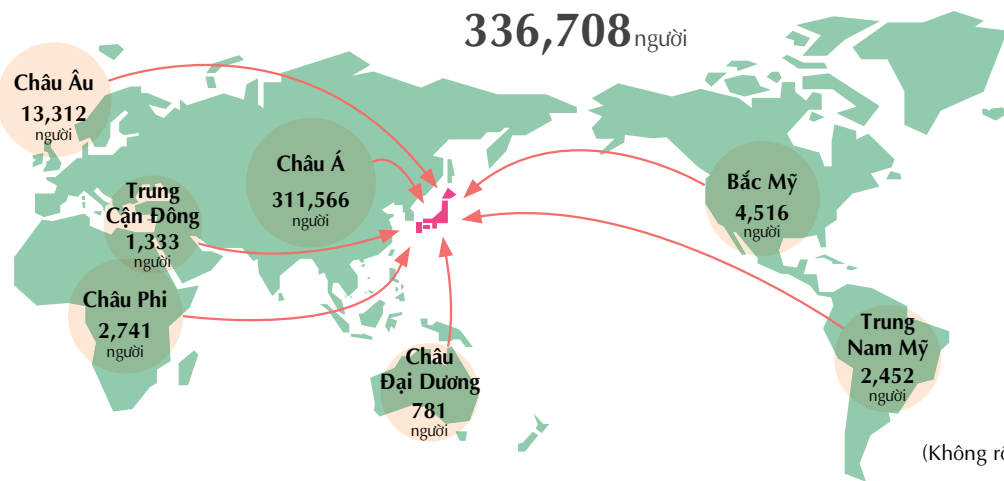
※3 Căn cứ sự tiến cử của trường

※4 Có thể tiếp tục hoạt động tìm việc ở năm thứ 2 sau khi tốt nghiệp nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định. Chi tiết điều kiện cụ thể hãy hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

THỐNG KÊ

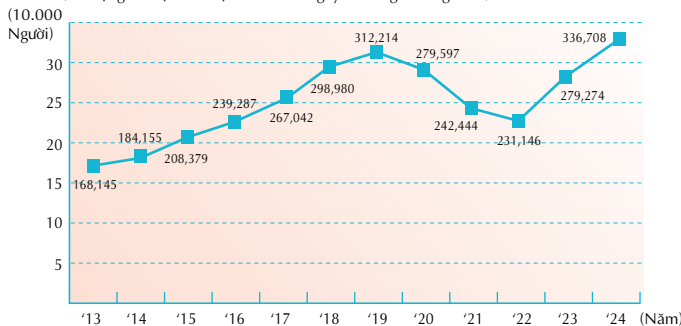
Số lượng Du học sinh người nước ngoài ở Nhật

(Tính tới ngày 1 tháng 5 năm 2024)

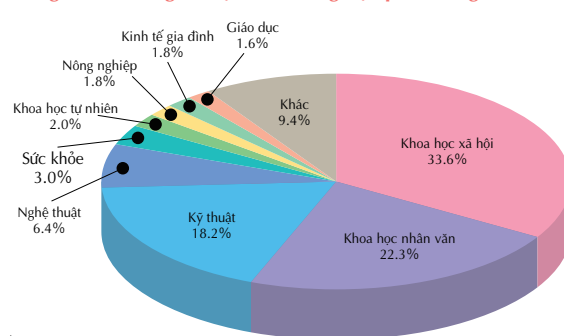


Sự thay đổi số lượng du học sinh nước ngoài qua các năm

(Số lượng du học sinh tại thời điểm ngày 1 tháng 5 hàng năm)



Tỷ lệ du học sinh nước ngoài phân theo chuyên ngành (Cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông)



Số lượng du học sinh nước ngoài phân theo các bậc đào tạo (người)

(Người)

		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Bậc đào tạo	Sau đại học	34,411	2,176	21,628	58,215
	Đại học (Khoa)	10,844	1,719	74,858	87,421
	Cao đẳng		2	3,263	3,265
	Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	504	0	2	506
	Trường dạy nghề	0	52	76,350	76,402
	Khóa đào tạo dự bị	131		3,527	3,658
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		100	107,141	107,241
	Tổng cộng	45,890	4,049	286,769	336,708

Số lượng Du học sinh phân theo quốc gia (khu vực)

(Người)

	Quốc gia (khu vực)	Số người
1	Trung Quốc	123,485
2	Nepal	64,816
3	Việt Nam	40,323
4	Myanmar	16,596
5	Hàn Quốc	14,579
6	Sri Lanka	12,269
7	Đài Loan	7,655
8	Bangladesh	7,597
9	Indonesia	6,778
10	Mông Cổ	4,085

Số lượng cơ sở giáo dục sau Trung học phổ thông

(Trường)

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Đại học				
Sau đại học	86	91	486	663
Đại học (Khoa)	82	100	605	787
Cao đẳng	—	15	282	297
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	51	3	4	58
Trường dạy nghề	8	176	2,492	2,676

※ Trường Đại học tư lập bao gồm cả Đại học Mở Nhật Bản (The Open University of Japan)

Nguồn: Điều tra cơ bản về các trường năm 2024 (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

Tính tới ngày 1/5/2024

Nguồn: Điều tra về tình hình Du học sinh nước ngoài năm 2024 (JASSO)

NHẬT KÝ DU HỌC SINH

Cuộc sống hằng ngày của Du học sinh diễn ra như thế nào? Để giúp bạn hình dung rõ hơn, chúng tôi đã có dịp trò chuyện với các Du học sinh “Sempai” về vấn đề này. Hãy cùng lắng nghe những chia sẻ chân thành từ các bạn Du học sinh đang nỗ lực từng ngày để thực hiện ước mơ của mình nhé!



Mong muốn trở thành cầu nối giữa Nhật Bản và Ấn Độ trong lĩnh vực kỹ thuật



Trường Đại học Tohoku – Khoa Kỹ thuật, Ngành Cơ khí – Trí tuệ nhân tạo & Hàng không Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí quốc tế (Chương trình học chung giữa sinh viên Nhật Bản và sinh viên quốc tế) – Năm 3

Avin (Ấn Độ)

Việc tôi quyết định du học Nhật Bản có ảnh hưởng lớn từ cha tôi – một phiên dịch viên tiếng Nhật. Lần đầu tiên đến Nhật, tôi đã có rất nhiều trải nghiệm đáng nhớ. Bị cuốn hút bởi cách người Nhật suy nghĩ, sự tôn trọng dành cho người khác và tinh thần tỉ mỉ trong từng chi tiết, tôi bắt đầu tìm hiểu các trường Đại học ở Nhật Bản. Trong số đó, Đại học Tohoku – nơi có cơ sở nghiên cứu thế hệ mới về bức xạ synchrotron mang tên “NanoTerasu” – đã thực sự thu hút tôi. Vì vậy tôi đã quyết định đăng ký vào ngành Kỹ thuật cơ khí Quốc tế.

Hành trình học tập và trưởng thành của tôi cho đến nay không chỉ giới hạn trong lĩnh vực STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học), mà còn là chuỗi trải nghiệm phong phú ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Cuộc sống tại Sendai nơi đây thực sự tuyệt vời. Đây là một thành phố được bao quanh bởi thiên nhiên, nơi tôi có thể đạp xe hay đi dạo và tận hưởng không khí yên bình. Bên cạnh đó, môi trường học tập quốc tế nơi đây đã giúp tôi trưởng thành hơn, có khả năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ và kết nối được với bạn bè khắp nơi trên thế giới.

Trong tương lai, tôi muốn đóng góp cho cả Nhật Bản và Ấn Độ trong lĩnh vực kỹ thuật, trở thành cầu nối giữa hai quốc gia. Du học Nhật Bản là bước ngoặt lớn trong cuộc đời tôi, một chuyến hành trình mà tôi háo hức mong chờ xem chặng đường tiếp theo sẽ dẫn mình tới đâu.

Một ngày của tôi

8:00 - Thức dậy

Sau khi thức dậy, việc đầu tiên tôi làm là pha một tách cà phê. Sau khi chuẩn bị xong, tôi đạp xe đến trường.

9:00 - Tham gia nghe giảng, nghiên cứu

Các lớp nghe giảng của tôi không nhiều, chủ yếu là nghiên cứu tại phòng thí nghiệm.

13:00 - Ăn trưa

Tôi ăn trưa tại căn tin của trường, vừa rẻ, vừa gần nên rất tiện. Thực đơn ở đây được thay đổi thường xuyên, có cả các món chọn dành cho người ăn chay và thực đơn Halal.

14:00 - Làm thêm tại trường

Tôi làm trợ lý hành chính (AA) tại bộ phận hỗ trợ, công việc là hỗ trợ các Du học sinh trong cuộc sống tại Nhật. Ngoài ra, tôi còn làm trợ lý nghiên cứu (RA) trong các thí nghiệm liên quan đến máy tính lượng tử.

15:00 - Tự học

Tôi viết báo cáo và làm bài tập tại quán cà phê hoặc thư viện. Các trường đại học ở Nhật có rất nhiều không gian học tập tuyệt vời ngay trong khuôn viên.

18:00 - Tham gia câu lạc bộ và ăn tối

Với vai trò là lãnh đạo của Hội Du học sinh Đại học Tohoku (TUFSA), tôi tổ chức các buổi họp để lên kế hoạch và thảo luận về các sự kiện giao lưu văn hóa. Sau đó, tôi ăn tối cùng bạn bè, đi dạo trong thành phố, hoặc đọc sách trước khi đi ngủ.



Đến Nhật Bản, lần đầu tiên được trải nghiệm khí hậu bốn mùa, tôi đã thực sự xúc động. Tôi đã trưởng thành cả trong học thuật lẫn văn hóa.



Trường Đại học Shimane – Khoa Khoa học Tự nhiên Ngành Khoa học Hệ thống Môi trường – Chuyên ngành Khoa học Trái Đất

Erika (Colombia)

Ước mơ của tôi là trở thành một nhà nghiên cứu về núi lửa. Tôi rất ấn tượng với mối liên hệ sâu sắc và phức tạp giữa đất nước Nhật Bản với núi lửa, và chính điều này là lý do tôi muốn đến đây. Cảnh quan thiên nhiên, suối nước nóng tự nhiên, thậm chí cả thiên tai – tất cả đều có ảnh hưởng sâu sắc đến địa lý, văn hóa, truyền thống và đời sống của người dân Nhật Bản. Sau khi tận mắt chứng kiến và cảm nhận được mối liên hệ đó, tôi đã quyết định nộp đơn vào chương trình sau đại học của Đại học Shimane (thành phố Matsue) và bắt đầu nghiên cứu về núi lửa Daisen với học bổng MEXT (Học bổng Chính phủ Nhật Bản).

Cuộc sống ở Nhật là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ đối với tôi. Nó giống như việc tôi đang học lại từ đầu tất cả những điều mình từng nghĩ rằng đã biết.

Tôi hiện đang sống tại một vùng nông thôn Nhật Bản nơi có sự yên tĩnh, thanh bình và gần gũi với thiên nhiên mà tôi vô cùng yêu thích. Người dân xung quanh rất thân thiện và nhờ vậy tôi đã nhanh chóng hòa nhập được với cuộc sống nơi đây.

Lần đầu tiên tôi được trải nghiệm rõ rệt bốn mùa khi đến Nhật – mùa thu với lá đỏ, mùa đông với tuyết trắng, và mùa xuân với những buổi ngắm hoa anh đào, tất cả đều khiến tôi vô cùng xúc động. Tôi thật sự biết ơn vì đã có cơ hội này, và tôi cảm nhận được rằng mình đã trưởng thành rất nhiều – cả về học thuật, con người và văn hóa.

Tôi hy vọng sẽ có thể phát huy những kiến thức mình đã học được để hiểu sâu hơn về núi lửa ở cả Nhật Bản và quê hương của mình.

Một ngày của tôi

8:30 - Đến trường

Mỗi sáng, tôi đạp xe từ nhà đến trường (khoảng 5 phút). Sau đó, tôi tham gia nghe giảng và các khóa học khác.

10:00 - Nghiên cứu

Đây là khoảng thời gian tôi tập trung cho nghiên cứu: phân tích mẫu, làm việc trong phòng thí nghiệm hoặc đọc các bài báo chuyên ngành.

12:30 - Giờ nghỉ trưa

Tôi thường ăn trưa cùng bạn bè hoặc các thành viên trong phòng nghiên cứu tại căn tin trường. Thỉnh thoảng, tôi tự nấu ăn rồi chia sẻ với mọi người.

13:30-17:30 - Các hoạt động tại trường

Tùy từng ngày, tôi có thể đi học, đến thư viện, hoặc mua cà phê ở cửa hàng tiện lợi rồi tranh thủ nghỉ ngơi, trò chuyện hoặc đi dạo quanh khuôn viên trường.

17:30-19:00 - Học tiếng Nhật

Khi mới đến Nhật, tôi hoàn toàn không biết tiếng Nhật. Vì vậy, hiện tại tôi đang chăm chỉ học để có thể sử dụng ngôn ngữ đẹp đẽ này.

Từ 19:00 - Ăn tối

Tôi chủ yếu nấu ăn cùng bạn bè, nhưng hôm nào mệt tôi sẽ đi ăn ở McDonald's hoặc Hama Sushi.

Campus Diary



Tôi muốn xây dựng một ngôi trường tại Indonesia để góp phần phát triển đất nước trong tương lai

Trường dạy nghề ngoại ngữ quốc tế ECC
– Khoa tiếng Nhật

Kelly (Indonesia)

Từ khi còn là học sinh tiểu học, tôi đã luôn quan tâm đến lĩnh vực giáo dục và có mong muốn được truyền đạt lại những kiến thức mình học được cho người khác. Tôi cũng từng ước mơ được du học nước ngoài. Đặc biệt, tôi bị thu hút bởi nền giáo dục, tác phong, và sự phát triển kỹ thuật của Nhật Bản, nên tôi đã quyết định du học tại Nhật để hoàn thiện và phát triển bản thân.

Khi lần đầu đặt chân đến Nhật, mọi thứ đều rất xa lạ đối với tôi và tôi hoàn toàn không biết tiếng Nhật. Nhưng nhờ có sự hỗ trợ của gia đình, thầy cô và bạn bè, tôi dần lấy lại sự tự tin. Nhờ đó, tôi đã mạnh dạn tham gia các cuộc thi hùng biện và thuyết trình để thử thách bản thân, và vinh dự nhận được giải Xuất sắc và giải Nhất.

Tôi cũng từng thử sức tại Cuộc thi hùng biện tiếng

Nhật dành cho học viên các trường dạy nghề trên toàn quốc, và đó là một trải nghiệm giúp tôi trưởng thành hơn rất nhiều.

Trong tương lai, tôi mong muốn xây dựng một hệ thống giáo dục nơi mọi người đều có thể tiếp cận nền giáo dục chất lượng cao. Để thực hiện điều đó, tôi dự định học tiếp lên đại học, tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm học tập và trao đổi kiến thức, tư duy với thật nhiều người.

Tôi hy vọng một ngày nào đó sẽ có thể xây dựng được ngôi trường của riêng mình tại Indonesia và góp phần vào sự phát triển của đất nước.



Một ngày của tôi

6:30 - Thức dậy, ăn sáng, ôn bài trước giờ học

Tôi thích dậy sớm vào buổi sáng, vừa nấu bữa sáng vừa nghe nhạc và tận hưởng khoảng thời gian yên bình đầu ngày.

8:30 - Đi học

Lớp học bắt đầu từ 9 giờ sáng. Tôi học các kỹ năng như từ vựng, đọc hiểu, nghe hiểu ... và thỉnh thoảng còn có cả phần thuyết trình nữa.

13:30 - Nghỉ trưa

Thỉnh thoảng tôi tự nấu bữa trưa, nhưng thường thì tôi hay đi ăn bên ngoài với bạn bè.

14:00 - Làm thêm

Tôi từng tham gia chương trình “Trải nghiệm toàn cầu” – giảng dạy bằng tiếng Anh cho học sinh các trường THPT trong tỉnh Osaka.

17:00 - Về nhà và vận động

Thỉnh thoảng tôi tập thể dục tại nhà hoặc đi dạo ở công viên gần đó để thư giãn.

20:00 - Ôn bài và thời gian tự do

Nếu có bài tập hoặc cần ôn lại bài thì tôi sẽ làm vào thời gian này. Ngoài ra, tôi cũng dành khoảng thời gian này để làm những điều mình thích như gọi điện về cho gia đình hoặc chơi game với bạn bè.

22:30 - Đi ngủ

Đừng quên ngủ ngon và đủ giấc nhé! (^ω^)/



Nếu bạn đang băn khoăn có nên du học Nhật Bản hay không, hãy mạnh dạn thử sức và tận dụng các chương trình học bổng!

Trường dạy nghề nấu ăn Tsuji
– Khoa quản lý kỹ thuật làm bánh

Kim Sujeong (Hàn Quốc)

Tôi đã đến Nhật Bản với ước mơ trở thành một pâtissière (thợ làm bánh ngọt) làm ra những món tráng miệng ngon và đẹp mắt.

Tôi bắt đầu con đường du học sau khi đã tốt nghiệp đại học ở Hàn Quốc và đi thực tập ở nước ngoài, khá muộn so với mọi người nên điều này từng khiến tôi lo lắng không biết lựa chọn của mình có đúng không. Tuy nhiên, một năm học tiếng Nhật và hai năm học tại trường chuyên môn làm bánh lại trở thành khoảng thời gian vô cùng ý nghĩa đối với tôi.

Ngôi trường mà tôi theo học – Trường dạy nghề nấu ăn Tsuji – rất nổi tiếng cả ở Hàn Quốc, đặc biệt được nhiều người mong muốn trở thành pâtissier lựa chọn. Mỗi ngày, lớp bắt đầu từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, chúng tôi học mọi kiến thức liên quan đến làm bánh. Trong năm nhất, tôi còn học thêm các môn về vệ sinh



an toàn thực phẩm để thi lấy bằng kỹ thuật viên an toàn vệ sinh bánh kẹo, cũng như các môn về quản lý kinh doanh.

Ngoài các tiết học trên lớp, học viên còn có thể thử sức tại các cuộc thi và cuộc tranh tài chuyên môn. Trong suốt 2 năm qua, tôi cũng đã tham gia nhiều cuộc thi và nhờ có sự hướng dẫn tận tình của thầy cô, tôi đã đạt được những kết quả tốt.

Mùa xuân này tôi sẽ bắt đầu công việc tại Tokyo và sẽ chuyển đến đó sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, cũng có rất nhiều bạn du học sinh chọn quay về nước ngay sau khi tốt nghiệp để làm việc hoặc mở tiệm bánh riêng. Có rất nhiều con đường khác nhau, vì vậy nếu bạn đang băn khoăn có nên du học Nhật Bản hay không, tôi thật sự muốn khuyên bạn hãy mạnh dạn thử sức!

Nếu bạn lo lắng về chi phí, có rất nhiều chương trình học bổng khác nhau nên hãy tìm hiểu và tận dụng



Một ngày của tôi

7:30 Chuẩn bị đến trường

Tắm rửa, kiểm tra lại đồng phục thực hành, bộ dụng cụ và sách giáo khoa, sau đó đi bộ đến trường.

9:00 - Lớp học thực hành

12:10 Nghỉ trưa

Vì trường không có nhà ăn, nên tôi thường ăn cơm hộp tự làm hoặc mua đồ ăn ở cửa hàng tiện lợi. Vào những ngày có thực hành làm bánh mì cả ngày, chúng tôi sẽ nấu bữa trưa trong giờ học và cùng nhau ăn.

13:10 - Lớp thực hành buổi chiều

Có những hôm thực hành nửa ngày, nửa ngày học lý thuyết.

16:40 - Tự luyện tập

Khi có kỳ thi hoặc cuộc thi tay nghề.

18:30 - Thời gian tự do

Thông thường tôi sẽ luyện tập kỹ thuật bắt hoa kem bơ, phủ kem hoặc bọc nhân bánh. Vào giai đoạn cuộc thi toàn quốc thì luyện tập các bài thi theo đề bắt buộc.

Hỏi đáp về Du học Nhật Bản

Q Có thể nộp hồ sơ dự thi đầu vào dành cho người nước ngoài trong các trường hợp sau đây không?

- ① Đã học 1 vài năm bậc Tiểu học, Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông tại Nhật Bản.
- ② Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông tại Nhật Bản
- ③ Mang 2 quốc tịch: quốc tịch Nhật Bản và một quốc tịch khác

A Trường bạn đăng ký sẽ thẩm định, đánh giá hồ sơ của bạn. **Trước khi nộp hồ sơ**, hãy liên lạc với trường và xác nhận xem mình có đủ điều kiện nộp hồ sơ hay không. Tùy từng trường, có khả năng bạn phải tham dự kỳ thi đầu vào với chế độ giống như sinh viên Nhật Bản.

Q Tôi bị khuyết tật. Tôi có được nhà trường hỗ trợ khi thi đầu vào và sau khi học tiếp lên cao không?

A Những học sinh khuyết tật sẽ nhận được sự hỗ trợ từ trường học tại Nhật. Trường hợp mong muốn nhận được sự giúp đỡ khi dự thi hoặc khi vào học do bị bệnh, khuyết tật cơ thể, hãy thảo luận với trường **trước khi nộp hồ sơ**.

Q Để thi vào các trường ở Nhật Bản có bắt buộc phải đến Nhật dự thi không?

A Có nhiều trường sẽ tổ chức thi đầu vào tại Nhật Bản, nhưng cũng có những trường chỉ xét hồ sơ để quyết định xem đỗ hay trượt, hoặc tiến hành phỏng vấn Online, hoặc tổ chức thi tuyển ngay tại Việt Nam. (Tham khảo thủ tục trước khi sang Nhật để dự thi ở Trang 28 Mục ⑦).

Q Có bảng xếp hạng các trường Đại học không?

A Mỗi tổ chức có bảng xếp hạng được lập dựa trên quan điểm và tiêu chuẩn riêng nhưng không có bảng xếp hạng chính thức, công khai của Chính phủ Nhật Bản. Mặc dù trường xếp thứ hạng cao nhưng có thể không phù hợp với bạn nên hãy lắng nghe ý kiến của thầy cô, du học sinh đi trước hoặc xem thông tin trên trang web của JASSO, của các trường để tìm ra trường mà mình muốn học.

Các thông tin cơ bản về Du học Nhật Bản



Trang Thông tin Du học Nhật Bản

<https://www.studyinJapan.go.jp/ja/>

• Tra cứu các trường • Thông tin học bổng

• Triển lãm du học, sự kiện về du học do JASSO tổ chức

<https://www.studyinJapan.go.jp/ja/events/>



• Các địa điểm công khai tài liệu xúc tiến Du học Nhật Bản

Có thể xem sách giới thiệu của các cơ sở giáo dục Nhật Bản và tài liệu liên quan tới Du học Nhật Bản

<https://www.studyinJapan.go.jp/ja/planning/brochures/studyinJapan-resource-facilities.html>

Các kênh SNS của JASSO Study in Japan



Facebook

<https://www.facebook.com/profile.php?id=100092715664950>



Instagram

https://www.instagram.com/JASSO_study_in_Japan/



YouTube channel

https://www.youtube.com/@studyinJapan_official

Trang web hữu ích về du học Nhật Bản

Tsunagaru Hirogaru - tiếng Nhật cuộc sống

(Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao,
Khoa học và Công nghệ Nhật Bản)

<https://tsunagarujp.mext.go.jp/>



Đây là một trang web học tiếng Nhật trực tuyến dành cho người nước ngoài mới bắt đầu sống tại Nhật Bản và lần đầu tiên học tiếng Nhật, hoặc những người đang sống ở nước ngoài và không có cơ hội học tiếng Nhật. Trang web được dịch ra nhiều ngôn ngữ, nội dung được phân chia theo các chủ đề phù hợp với từng trình độ tiếng Nhật, giúp bạn học được những mẫu câu và từ vựng hữu ích cho cuộc sống tại Nhật Bản.



Hirogaru - Khám phá Nhật Bản và tiếng Nhật

(Quý Giao lưu Quốc tế)

<https://hirogaru-nihongo.jp/>



Đây là một trang web học tiếng Nhật trực tuyến, nơi bạn có thể chọn học qua các đoạn thông tin và video liên quan đến 12 chủ đề khác nhau. Trang web phù hợp với những người yêu thích văn hóa Nhật Bản hoặc học tiếng Nhật như một sở thích, giúp bạn khám phá Nhật Bản và tiếng Nhật một cách vui vẻ và thú vị.



Sổ tay Hướng dẫn sinh hoạt và lao động

(Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú)

https://www.moj.go.jp/isa/support/portal/guidebook_all.html



Đây là tài liệu cung cấp các thông tin cơ bản để người nước ngoài có thể sinh sống và làm việc tại Nhật Bản một cách an tâm. Sổ tay được dịch ra nhiều ngôn ngữ, có phiên bản viết bằng tiếng Nhật đơn giản dành cho những người nước ngoài chuẩn bị bắt đầu cuộc sống tại Nhật.



JV-Campus - Nền tảng giáo dục trực tuyến mới của Nhật Bản

<https://www.jv-campus.org/>



JV-Campus là nền tảng nơi nhiều trường đại học trong và ngoài Nhật Bản cung cấp các nội dung giáo dục chất lượng cao dưới hình thức trực tuyến. Trang web có nhiều khóa học thuộc nhiều lĩnh vực đa dạng như ngôn ngữ, kinh doanh, công nghệ thông tin, nghệ thuật và văn hóa. Từ người mới bắt đầu đến người học nâng cao đều có thể chọn khóa học phù hợp với trình độ của mình. Đây cũng là cơ hội để bạn khám phá các môn học đang được giảng dạy tại các trường đại học ở Nhật Bản. Ngoài ra, nền tảng còn có nhiều nội dung hấp dẫn dành cho những ai quan tâm đến văn hóa Nhật Bản và tiếng Nhật.



Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Nhật Bản

(Danh sách các cơ quan đại diện ở nước ngoài)
(Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú)

<https://www.mofa.go.jp/mofaj/annai/zaigai/list/index.html>



Tại đây, bạn có thể tra cứu danh sách các Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Nhật Bản trên toàn thế giới, bao gồm địa chỉ liên lạc và đường dẫn đến trang web chính thức của từng cơ quan. Một số Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán cũng cung cấp thông tin về học bổng Chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ - MEXT) và thông tin liên quan đến du học Nhật Bản.



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại : 043 926 0024

Fax : 043 926 0031

Hướng dẫn Du học Nhật Bản 2025-2026

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHẠM THỊ MAI

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN

Biên tập viên: ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH

Đối tác liên kết

Công ty TNHH Một Thành Viên An An Bách Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Songdo, 62A Phạm Ngọc Thạch,

Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

In 1.200 cuốn, khổ 21,0 x 29,7cm,

tại Công Ty TNHH Đầu Tư - Sản Xuất In Và Quảng Cáo Ánh Dương

Địa chỉ: Số 46 Tân Ấp, Phường Hồng Hà, Hà Nội

Số XNĐKXB: 3440-2025/CXBIPH/17-125/HĐ

Số quyết định: 506/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 15 tháng 09 năm 2025

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025

ISBN: 978-632-01-0402-4

Tổ chức hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản

hi vọng sẽ trở thành nơi cung cấp thông tin đầy đủ về Du học Nhật Bản cho mọi người.

Pháp nhân hành chính độc lập - Tổ chức hỗ trợ Sinh viên Nhật Bản (JASSO) là Tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

Là cơ quan trung tâm dẫn đầu trong việc hỗ trợ Sinh viên, tiến hành một cách tổng hợp các hoạt động cho vay học bổng, hỗ trợ Du học sinh và hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên, nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo cao, giàu tính nhân văn, gánh vác được xã hội trong tương lai; đồng thời tăng cường sự hiểu biết, giao lưu quốc tế.

1 Hoạt động cho vay học bổng

Tiến hành hoạt động cho vay học bổng dành cho Sinh viên Nhật Bản có thành tích xuất sắc nhưng gặp khó khăn trong học tập vì lý do kinh tế.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành hoàn thiện chế độ học bổng đáp ứng nhu cầu đa dạng của Sinh viên, cải cách thủ tục đăng ký, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới học bổng cũng như tiến hành thu hồi các khoản vay một cách hợp lý.

2 Hoạt động hỗ trợ Du học sinh

Tiến hành các hoạt động cấp học bổng cho Du học sinh, thực hiện các chương trình giao lưu giữa các Du học sinh, cải cách thủ tục nhập học dựa trên Kỳ thi Du học Nhật Bản v.v., đẩy mạnh thu thập và cung cấp thông tin liên quan tới Du học.

3 Hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên

Tiến hành thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về những hoạt động hữu ích liên quan tới hỗ trợ sinh hoạt cho Sinh viên, để đóng góp vào các hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên do các trường Đại học tổ chức.

Ngoài ra, thông qua các hoạt động thực tập, chúng tôi cũng góp phần hỗ trợ hoàn thiện các dịch vụ dành cho Sinh viên các trường Đại học v.v.



独立行政法人

日本学生支援機構

JASSO Japan Student Services Organization

TEL: (+81)3-5520-6111 FAX: (+81)3-5520-6121

〒135-8630 2-2-1 Aomi, Koto-ku, Tokyo, Japan

infoja@jasso.go.jp

Văn phòng đại diện ở nước ngoài (Trung tâm Thông tin Giao lưu Giáo dục Quốc tế Nhật Bản, JASSO)



Indonesia

TEL (+62)21-252-1912

JASSO Japan Educational Information Center, Jakarta

Summitmas Tower II, 2nd Floor, Jalan Jenderal

Sudirman KAV. 61-62, Jakarta 12190 INDONESIA

Email: info@jasso.or.id

Web: <https://www.jasso.or.id/>

Facebook: <https://www.facebook.com/jasso.indonesia>

Instagram: <https://www.instagram.com/jasso.indonesia/>

WhatsApp: <https://api.whatsapp.com/send?phone=62212521912>



Thái Lan

TEL (+66)2-661-7057

JASSO Japan Educational Information Center, Bangkok

1016/3, 10F Serm-mit Tower, 159 Asok-Montri Rd., Bangkok 10110

THAILAND

Email: info@jeic-bangkok.org

Web: <http://www.jeic-bangkok.org/>

Facebook: <https://www.facebook.com/JASSO.Thailand>

Instagram: <https://www.instagram.com/jasso.thailand/>



Việt Nam

TEL (+84)24-3710-0226

JASSO Vietnam Office

Tầng 4, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, P.Cửa Nam,

TP. Hà Nội, Việt Nam

Email: info@jasso.org.vn

Web: <https://www.jasso.org.vn/>

Facebook: <https://www.facebook.com/JASSO.Vietnam>



Hàn Quốc

TEL (+82)2-765-0141

JASSO Japan Educational Information Center, Seoul

#702 Garden Tower, 84 Yulgok-ro, Jongno-gu,

Seoul 03131 REPUBLIC OF KOREA

Email: jasso@jasso.or.kr

Web: <https://www.jasso.or.kr/>

Facebook: <https://www.facebook.com/JASSO.Korea>

Instagram: <https://www.instagram.com/jasso.korea/>



Malaysia

TEL (+60)3-2287-0812

JASSO Japan Educational Information Center, Kuala Lumpur

A-7-5, Northpoint Offices, Mid Valley City, No.1,

Medan Syed Putra Utara, 59200 Kuala Lumpur, MALAYSIA

Email: enquiry@studyinJapan.org.my

Web: <https://www.studyinJapan.org.my/>

Facebook: <https://www.facebook.com/JASSO.KL>

Hoạt động của Văn phòng đại diện tại nước ngoài:

- Cung cấp thông tin qua email, thư, điện thoại, thảo luận trực tiếp.
- Mở thư viện trưng bày thông tin giới thiệu về trường, danh sách trường, tài liệu tham khảo về Du học Nhật Bản.
- Cung cấp thông tin qua các buổi hội thảo, sự kiện về Du học Nhật Bản.

<https://www.studyinJapan.go.jp/ja/contact>

